**BÀI 2**

**GIÁ TRỊ CỦA VĂN CHƯƠNG**

**(Văn nghị luận)**

1. **ĐỌC:**
2. **1 – VĂN BẢN 1:**

**VỀ HÌNH TƯỢNG BÀ TÚ TRONG BÀI THƯƠNG VỢ**

**( Chu Văn Sơn)**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

- HS nhận biết được đặc điểm của thể loại tác phẩm, xác định được bố cục, phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài Về hình tượng Bà Tú trong bài thơ Thương vợ. Từ đó hình thành, rèn luyện năng lực đọc hiểu một tác phẩm nghị luận.

- HS có thể hiểu được cách trình bày và sắp xếp các luận điểm, luận cứ trong một tác phẩm nghị luận.

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

- Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

**2. Phẩm chất**

- Yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống của tự nhiên và con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

* Giáo án;
* Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
* Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
* Tranh ảnh về tác giả, tác phẩm;
* Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp;
* Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà;

**2. Chuẩn bị của HS**

* SGK, SBT Ngữ văn 9.
* Sách tham khảo, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học…
* Bảng giao nhiệm vụ học tập đã chuẩn bị ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động tìm hiểu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết chủ điểm bài học và bước đầu trả lời câu hỏi lớn của bài học.

***b. Sản phẩm:***Câu trả lời của HS về chủ điểm bài học và câu hỏi lớn của bài học.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*Hai HS thảo luận về các câu câu hỏi:

(1) Để nói về giá trị của văn chương với đời sống, người ta có thể dùng rất nhiều hình ảnh: ngọn đuốc soi đường, tấm gương phản chiếu, hạt mầm vươn lên từ mặt đất, điệu nhạc của tâm hồn,… Nếu chọn một hình ảnh của riêng mình để nói về văn chương, em sẽ chọn hình ảnh nào và tại sao?

(2) Văn chương góp phần làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn bằng những cách nào?

\* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo trình tự (1) ➔ (2).

\* Báo cáo, thảo luận:

(1) HS trình bày một hình ảnh mà bản thân dùng để nói về văn chương và lí giải.

(2) HS trình bày ý kiến về những cách văn chương làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

\* Kết luận, nhận định: GV tổng hợp ý kiến của HS, dẫn dắt vào bài học.

**2. Hoạt động xác định nhiệm vụ học tập**

***a. Mục tiêu:*** HS nhận biết nhiệm vụ học tập.

***b. Sản phẩm:***Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS đọc tên chủ điểm, khung *Yêu cầu cần đạt*, đọc lướt nhan đề các VB trong chủ điểm và trả lời câu hỏi:

– Chúng ta sẽ học điều gì khi đọc VB 1, VB 2 và VB Đọc mở rộng theo thể loại?

– VB Đọc kết nối chủ điểm có mối quan hệ như thế nào với ba VB còn lại? Chúng ta đọc VB Đọc kết nối chủ điểm để làm gì?

\* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc SGK và tìm câu trả lời.

\* Báo cáo, thảo luận: 2 đến 3 HS trả lời. Các HS khác nhận xét câu trả lời của bạn.

\* Kết luận, nhận định: GV tóm lược, nhận xét câu trả lời của HS và kết luận:

– Thông qua việc đọc VB 1 (Về hình tượng bà Tú trong bài “Thương vợ”), VB 2 (Ý nghĩa văn chương), VB Đọc mở rộng theo thể loại (Tính đa nghĩa trong bài “Bánh trôi nước”), chúng ta sẽ học kĩ năng đọc VB nghị luận.

– Thông qua việc đọc VB Đọc kết nối chủ điểm (Thơ ca), trong mối liên hệ với ba VB còn lại, chúng ta sẽ hiểu thêm về chủ điểm Giá trị của văn chương, đồng thời có cái nhìn sâu sắc hơn để trả lời câu hỏi lớn ở đầu bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1. Tìm hiểu tri thức đọc hiểu** (**Cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan trong văn bản nghị luận)**

***a. Mục tiêu:***

– Kích hoạt được tri thức nền về bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan trong VB nghị luận.

– Nhận biết khái niệm, đặc điểm cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan trong VB nghị luận.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS, phần ghi chú của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) Nhóm 2 HS thực hiện bài tập sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngữ liệu** | **Bằng chứng khách quan** | **Ý kiến, đánh giá chủ quan** | **Lí giải** |
| 1 | Ma-la-la Diu-sa-phdai (Malala Yousafzai) đã được trao giải Nô-ben (Nobel) Hoà bình năm 17 tuổi. | … | … | … |
| 2 | Điện thoại thông minh mang đến những tiện ích giúp việc liên lạc thuận tiện hơn. | … | … | … |
| 3 | Dự đoán trong mười năm tới, trí tuệ nhân tạo sẽ chiếm lĩnh thị trường lao động. | … | … | … |
| 4 | Tôi cho rằng hiện nay các bạn trẻ đang thiếu định hướng trong việc chọn nghề. | … | … | … |
| 5 | *Chiếc lá cuối cùng* của Ô- Henri (O’ Henry) là một truyện ngắn vô cùng cảm động. | … | … | … |

(2) Cá nhân HS đọc *Tri thức Ngữ văn* mục *Cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan trong VB nghị luận*, tìm ý chính và điền vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cách trình bày vấn đề** | **Đặc điểm** | **Tác dụng** |
| Cách trình bày vấn đề khách quan | … | … |
| Cách trình bày vấn đề chủ quan | … | … |
| Kết hợp cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan sẽ giúp … | | |

(3) Cá nhân HS quan sát GV phân tích ví dụ trong SGK, ghi chú những lưu ý cần thiết.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo trình tự (1) ➔ (2).

\* Báo cáo, thảo luận: 2 đến 3 cặp HS trả lời. Các HS khác nhận xét câu trả lời của bạn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cách trình bày vấn đề | Đặc điểm | Tác dụng |
| Cách trình bày vấn đề khách quan | Chỉ đưa thông tin, nêu ra các bằng chứng khách quan | Tạo cơ sở vững chắc, đảm bảo tính chính xác, đúng đắn cho các lập luận |
| Cách trình bày vấn đề chủ quan | Đưa ra ý kiến, đánh giá chủ quan, thể hiện rõ tình cảm, quan điểm của người viết | Tác động đến cảm xúc của người đọc, khơi gợi sự đồng cảm, mối quan tâm của người đọc về những vấn đề được bàn luận |
| Kết hợp cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan sẽ giúp tạo nên sức thuyết phục của VB nghị luận | | |

\* Kết luận, nhận định: GV tóm lược, nhận xét câu trả lời của HS và kết luận, chuyển dẫn phần văn bản đọc 1

**Gợi ý:**

– Thế nào là cách trình bày vấn đề khách quan, cách trình bày vấn đề chủ quan.

– Cách đọc văn nghị luận: Phân tích luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB nghị luận và mối liên hệ giữa các yếu tố này, phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan.

**Hoạt động 2. Đọc văn bản 1**

**Hoạt động 2.1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:**

- Bước đầu nhận ra ý nghĩa của chủ điểm.

- Xác định được thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

GV trình chiếu hình ảnh cùng bài thơ Thương vợ của Tú Xương lên bảng. HS quan sát và trả lời câu hỏi: Nêu một số cảm nhận của em về hình ảnh bà Tú trong bài thơ?

*“Quanh năm buôn bán ở mom sông,*

*Nuôi đủ năm con với một chồng.*

*Lặn lội thân cò khi quãng vắng,*

*Eo sèo mặt nước buổi đò đông.*

*Một duyên hai nợ âu đành phận,*

*Năm nắng mười mưa dám quản công.*

*Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,*

*Có chồng hờ hững cũng như không.*

- Một vài HS chia sẻ cảm nghĩ

- GV nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

Gợi ý:

- Người vợ trong tác phẩm là một người phụ nữ tần tảo, vất vả, thương chồng, thương con, …

- Số phận người phụ nữ đáng thương, vất vả.

Bà là người phụ nữ điển hình trong xã hội phong kiến, cáng đáng tất cả mọi việc từ gia đình, con cái cho đến kinh tế để chồng yên tâm đèn sách. Cũng thể hiện sự cam chịu, nhẫn nhịn của người phụ nữ thời xưa….)

GV dẫn dắt vào bài học mới*: Thương vợ của Trần Tế Xương là một bài thơ vô cùng hay và ý nghĩa đồng thời cũng là sự chấm phá trong tư tưởng nhà nho xã hội cũ lúc bấy giờ. Ở cái nơi mà địa vị cũng như thân phận người phụ nữ không được xem trọng. Thế nhưng ông Tú đã “mạnh dạn” thể hiện sự trân trọng người phụ nữ của mình bằng đức hi sinh, sự tần tảo. Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau đi sâu tìm hiểu văn bản nghị luận Về hình tượng Bà Tú trong bài Thương vợ của tác giả Chu Văn Sơn. Từ văn bản này chúng ta sẽ học cách đọc hiểu 1 văn bản nghị luận...*

**Hoạt động 2.2: Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Chia sẻ một vài suy nghĩ, cảm nhận về bài thơ Thương vợ, kích hoạt kiến thức nền về chủ đề VB sẽ đọc.

- Đọc VB và sử dụng được một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi trong khi đọc.

**b.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung kiến thức** |
| - GV giao nhiệm vụ cho HS hoạt động cá nhân:  + Đọc diễn cảm VB và ghi lại câu trả lời cho các câu hỏi tưởng tượng, suy luận trong SGK.  + Thực hiện phiếu học tập 1 ( Có phụ lục kèm theo)  - HS hoạt động cá nhân rồi trao đổi với bạn trong vòng 2 phút  - GV quan sát, gợi mở (nếu cần).  - 1 cặp báo cáo.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung, phản biện (nếu có).  - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của HS.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **1.Đọc**  **2. Tìm hiểu chung:**  **a. Tác giả:**  Chu Văn Sơn (1962-2019): nhà giáo, nhà phê bình văn học, nhà văn.  **b.Tác phẩm**  - Xuất xứ:  - Thể loại: nghị luận  - Bố cục:  - Xác định một số từ ngữ, câu văn cho thấy cảm nhận, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn văn này |

**Hoạt động 2.3: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

1/Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).

2/ Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung kiến thức** |
| - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm lớn:  **(NV1)** *Xác định cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan trong đoạn đầu tiên của VB.*  **(NV2).** Nhóm 4 HS hoàn thành PHT 2  ( Có phụ lục kèm theo)  - HS hoạt động nhóm trong vòng 5 phút  - GV quan sát, gợi mở (nếu cần).  - 1 cặp báo cáo.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung, phản biện (nếu có).  - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của HS.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan trong đoạn đầu.**   |  |  | | --- | --- | | Cách trình bày vấn đề khách quan | Cách trình bày vấn đề chủ quan | | - Thể hiện qua các thông tin, bằng chứng khách quan:  + Đặc điểm gia đình nhà nho theo ảnh hưởng Nho giáo (*Hình tượng bà Tú thuộc về kiểu gia đình nhà nho theo ảnh hưởng Nho giáo…*)  + Đặc điểm bối cảnh xã hội Tây Tàu nhộn nhạo và ảnh hưởng của bối cảnh xã hội ấy đến gia đình (*nền tảng của kiểu gia đình ấy đã đến hồi lung lay khi bước vào buổi Tây Tàu nhộn nhạo này… khi mà đô thị hoá đã làm ra cái cảnh “phố nửa làng” ở đất Vị Xuyên này…*)  + Đặc điểm cuộc đời bà Tú: bươn chải để đợi chồng thành đạt | - Thể hiện qua các từ ngữ, câu văn, hình ảnh cho thấy tình cảm, đánh giá chủ quan:  + Về bối cảnh xã hội và ảnh hưởng của nó đến gia đình bà Tú: “thời buổi Tây Tàu nhộn nhạo”, “không còn đâu cảnh thơ mộng”, “không còn được ở yên trong một mái nhà – dầu vất vả mà êm đềm thanh thản” 🡪 Thể hiện thái độ không đồng tình đối với những nhộn nhạo, đảo lộn giá trị của bối cảnh xã hội đương thời  + Về hình tượng bà Tú: “bà Tú đã bị cái thời buổi ấy ném ra ngoài cuộc đời phiền tạp”, “bà Tú cũng bị dạt theo cuộc sống bươn chải nhất thời để đợi chồng thành đạt”, “bươn chải đã thành số phận của bà” 🡪 Thể hiện tình cảm xót thương, trân trọng đối với bà Tú |   **2. Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản**  - Luận đề: Hình tượng bà Tú trong bài thơ *Thương vợ.*  - Luận điểm, lí lẽ, bằng chứng:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Luận điểm** | **Bằng chứng** | **Lí lẽ** | | **Luận điểm 1:** Hình tượng bà Tú thuộc về kiểu gia đình nhà nho theo ảnh hưởng Nho giáo | **–** Bằng chứng cho thấy đặc điểm gia đình Nho giáo: *không coi trọng sản nghiệp, chỉ chú trọng danh vị, những gia đình như thế thì người chồng miệt mài đèn sách, còn người vợ thì nuôi sống gia đình với hi vọng một ngày kia chồng đỗ đạt làm quan cả họ được nhờ, đổi thay phận vị,…*  – Bằng chứng cho thấy ảnh hưởng của bối cảnh xã hội đến gia đình: *nền tảng kiểu gia đình ấy đến hồi lung lay khi bước vào thời buổi Tây Tàu nhộn nhạo này…*  – Bằng chứng cho thấy số phận của bà Tú:*khi mà đô thị hoá đã làm ra cái cảnh “phố nửa làng” ở đất Vị Xuyên này, thì bà Tú cũng bị dạt theo cuộc sống bươn chải nhất thời để đợi chồng thành đạt* | Lí giải, đánh giá, nhận xét về cuộc đời bà Tú trong bối cảnh thời đại: *Đó là cuộc bươn chải không có kết thúc, bươn chải đã thành số phận của bà* | | **Luận điểm 2:**  Hình tượng bà Tú trong hai câu đề (Căn cứ xác định: *Chỉ với hai câu đề, hình ảnh bà Tú đã hiện lên như bức chân dung của một cuộc đời, một duyên phận*) | – Phần trích dẫn hai câu đề bài thơ  – Các bằng chứng dẫn ra từ hai câu đề: “quanh năm”, “mom sông”, “nuôi đủ năm con với một chồng”, “chồng” | – Nhận xét về ý nghĩa của hình ảnh thời gian “quanh năm”, không gian “mom sông”  – Phân tích bằng chứng để cho thấy gia cảnh “nuôi đủ năm con với một chồng” của bà Tú, thái độ tự mỉa mai của ông Tú  – Đánh giá chung về hai câu đề “thật xứng đáng là cặp câu hay nhất bài thơ” | | **Luận điểm 3:**  Hình tượng bà Tú trong hai câu thực (Căn cứ xác định: *Hai câu thực là bà Tú trong không gian xã hội, giữa cảnh chợ đời, là con người công việc: đảm đang tháo vát, thương khó tảo tần*) | **–** Phần trích dẫn hai câu thực của bài thơ  – Các bằng chứng dẫn ra từ hai câu thực: “lặn lội thân cò”, “quãng vắng”, “eo sèo”  – Các bằng chứng dẫn ra từ ca dao để so sánh: “Cái cò lặn lội bờ sông”, “Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non” | – So sánh hình ảnh bà Tú với “cái cò” trong ca dao xưa để cho thấy sự nhẫn nại, cam chịu của bà Tú  – Phân tích hoàn cảnh lao động (“quãng vắng”, “eo sèo”) để làm bật lên những vất vả, bươn chải bà Tú phải chịu | | **Luận điểm 4:** Hình tượng bà Tú trong hai câu luận (Căn cứ xác định: *hai câu luận lại chính là bà Tú trong quan hệ với gia đình… thảo hiền nhu thuận*) | **–** Phần trích dẫn hai câu luận của bài thơ  – Các bằng chứng dẫn ra từ hai câu luận: “âu đành phận”, “dám quản công” | – Phân tích bằng chứng để cho thấy thái độ chín chắn, độ lượng của bà Tú trước duyên phận và gia cảnh  – Từ cặp câu luận, khái quát hình tượng bà Tú với ý nghĩa *con người bổn phận*, giàu đức hi sinh cao cả | |

**Hoạt động 2.3. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** HS ghi lại những điểm chính trong văn bản và rút ra kết luận khi đọc hiểu 1 văn bản nghị luận

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung kiến thức** |
| - GV giao nhiệm vụ cho HS hoạt động cá nhân:  + Nêu giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của bài?  + Xác định cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan  - HS hoạt động cá nhân rồi trao đổi với bạn trong vòng 2 phút  - GV quan sát, gợi mở (nếu cần).  - 2 - 3 HS báo cáo.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung, phản biện (nếu có).  - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của HS.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **1.Nội dung**  Khắc họa thành công hình ảnh của bà Tú. Một người vợ tảo tần, giàu đức hi sinh, đã gánh vác gia đình với những gánh nặng cơm áo gạo tiền đè lên đôi vai gầy.  Bên cạnh hình ảnh bà Tú thì ẩn sau đó chính là hình ảnh ông Tú với đầy tâm sự. Bà Tú hiện lên càng đảm đang, tháo vát vất vả bao nhiêu thì ông Tú lại càng nhỏ bé, nhạt nhòa, vô dụng bấy nhiêu. Đây chính là sự bất lực của người trí sĩ đương thời trước dòng đời nổi trôi và xã hội quan liêu thối nát.  ->Những phẩm chất sáng ngời của người phụ nữ Việt từ bao đời nay  **-** Hệ thống luận điểm củng cố vô cùng vững chắc cho luận đề.  **2. Nghệ thuật**  Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được thể hiện sáng rõ, hợp lí.  Cách triển khai logic, phù hợp với tác phẩm.  Ngôn ngữ dễ hiểu, tinh tế giúp văn bản truyền đạt một cách dễ dàng và nhanh chóng.  **3.** - Cách trình bày vấn đề khách quan: Tác giả bài viết đưa ra thông tin về nền tảng gia đình của bà Tú và hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ. Đây đều là những thông tin khách quan tạo cơ sở cho lập luận sau đó.  - Cách trình bày vấn đề chủ quan: Từ thông tin về nền tảng gia đình và hoàn cảnh lịch sử, tác giả bài viết đã đưa ra những nhận xét, đánh giá chủ quan của mình và thể hiện sự đồng cảm, xót thương về hoàn cảnh của bà Tú: vì nền tảng gia đình cùng hoàn cảnh xã hội ấy mà bà Tú buộc phải bươn chải mưu sinh, không được hưởng cuộc sống an nhàn, thảnh thơi. |

**C. Hoạt động : LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

**b. Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ Thực hiện câu hỏi bài tập trắc nghiệm

+ **Tác giả bài viết cho rằng hai câu đề của bài thơ *Thương vợ* là “cặp câu hay nhất bài thơ”. Em có đồng tình với ý kiến đó không? Vì sao?**

+ Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.

- HS làm việc cá nhân.

- Trình bày cá nhân: Em rất đồng tình với quan điểm của tác giả bài viết vì thông qua hai câu thơ này, chúng ta không chỉ thấy được hoàn cảnh gia đình, số phận trớ trêu, vất vả, tủi cực của bà Tú mà ta còn cảm nhận được sự cay đắng của ông Tú cùng nỗi niềm xót thương mà ông dành cho người vợ của mình.

- Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).

- GV quan sát, gợi mở (nếu cần).

- GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS. => Chốt kiến thức.

****

- Động viên, khuyến khích những HS chưa hoàn thành được nhiệm vụ.

**D. Hoạt động: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB văn học mang lại.

GD HS lòng yêu thương con người; giữ gìn, bảo tồn, phát huy trân trọng các giá trị văn hóa, lịch sử của dân tộc.

**b. Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:Theo em « suốt đời hi sinh cho chồng cho con » có phải là bổn phận của người phụ nữ ? hãy tìm những ví dụ trong thực tế cuộc sống để làm sáng tỏ ý kiến của mình.

Cá nhân HS thực hiện. HS trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

GV kết luận, nhận định về cách đọc VB:

- Cùng một vấn đề trong VB văn học nhưng có thể có nhiều cách tiếp cận khác nhau, điều đó làm cho nội dung VB thêm phong phú, hấp dẫn; mỗi người đọc khi tìm đọc VB văn học sẽ có những trải nghiệm riêng, gắn với tư tưởng, tình cảm của họ,…

\* Phụ lục

PHT1:

|  |  |
| --- | --- |
| TÌM HIỂU CHUNG | |
| TÁC GIẢ | Hãy đọc và nêu những nét nổi bật về cuộc đời – sự nghiệp của Chu Văn Sơn? Kể tên một số tác phẩm tiêu biểu của ông? |
| TÁC PHẨM | - Xuất xứ:  - Thể loại:  - Bố cục:  - Xác định một số từ ngữ, câu văn cho thấy cảm nhận, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn văn này. |

PHT 2 :

**TÌM HIỂU LUẬN ĐỀ, LUẬN ĐIỂM, LÍ LẼ VÀ BẰNG CHỨNG TRONG VĂN BẢN**

Trình bày mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB dựa vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| LUẬN ĐỀ:……………………………………………................................................ | | |
| Luận điểm | Bằng chứng | Lí lẽ |
| Luận điểm 1: Hình tượng bà Tú thuộc về kiểu gia đình nhà nho theo ảnh hưởng Nho giáo | - Bằng chứng cho thấy đặc điểm gia đình Nho giáo: ………………….…………..  - Bằng chứng cho thấy ảnh hưởng của bối cảnh xã hội đến gia đình ……………………..............  - Bằng chứng cho thấy số phận của bà Tú: …………………………… | Lí giải, đánh giá, nhận xét về cuộc đời bà Tú trong bối cảnh thời đại: …………………… |
| Luận điểm 2:Hình tượng bà Tú trong hai câu đề (Căn cứ xác định: *Chỉ với hai câu đề, hình ảnh bà Tú đã hiện lên như chân dung một cuộc đời, một duyên phận*) | ……………………………  ……………………………  ……………………………  ……………………………  ……………………………  ……………………………  ………………………… | ……………………  ……………………  ……………………  ……………………  ……………………  ……………………  …………………… |
| Luận điểm 3: …… | ……………………………  …………………………… | ……………………………  …………………………... |
| Luận điểm 4: …… | …………………………  ………………………… | ……………………………  …………………………… |

- Lí lẽ, bằng chứng nào trong VB để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất? Hãy chia sẻ ấn tượng ấy với các bạn.

+ Lí lẽ, bằng chứng trong VB để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất:

+ Lí giải:

**-**Xác định một số từ ngữ, câu văn cho thấy cảm nhận, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn văn này.

**Gợi ý**

Một số từ ngữ, câu văn cho thấy cảm nhận, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn văn này là:

+ Từ ngữ: “Không còn đâu”

+ Câu văn: “Không còn đâu cảnh thơ mộng “bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ” nữa. Không còn được ở yên trong một mái nhà- dầu vất vả mà êm đềm thanh thản, bà Tú đã bị cái thời buổi ấy ném ra ngoài cuộc đời phiền tạp.”

+ Câu văn: “Mà đó là cuộc đời bươn chải không có kết thúc. Bươn chải đã thành số phận của bà”.

**-**Tác giả so sánh câu thơ “Lặn lội thân cò khi quãng vắng” với câu ca dao “Cái cò lặn lội bờ sông” nhằm mục đích gì?

**Gợi ý**

Tác giả so sánh câu thơ “Lặn lội thân cò khi quãng vắng” với câu ca dao “Cái cò lặn lội bời sông” nhằm mục đích nhấn mạnh nỗi vất vả, cực nhục mà bà Tú phải trải qua mỗi ngày và cả một đời.

**A.2 VĂN BẢN 2 :**

***Ý NGHĨA VĂN CHƯƠNG***

***Hoài Thanh***

***Thời gian : 2 tiết***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

- Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong văn bản, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

**2. Phẩm chất**

Yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống của tự nhiên và con người.

**II. . THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập KHBD.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- Tài liệu, video liên quan đến nội dung bài học.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU: 5 phút**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền, tạo tâm thế vào bài.

**b. Sản phẩm:**Câu trả lời của HS.

**c. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập:**

- GV chiếu cho Hs nghe đoạn video đọc bài thơ “Thương vợ” của Trần Tế Xương theo đường link https://youtu.be/9UhnNVKog1s?si=4S-GNFwMKDtJ4wQB nêu câu hỏi:

- Đoạn video trên đang nhắc lại tác phẩm nào?

- Khi thưởng thức một tác phẩm văn chương, bản thân em thu nhận được điều gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh suy nghĩ nội dung câu hỏi, trình bày cá nhân sản phẩm của mình.

**B3: Báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

GV mời 2 HS trình bày trước lớp ý kiến của mình. Các HS khác bổ sung, nhận xét.

**B4: Kết luận, nhận định:**

GV kết luận, hướng dẫn HS chốt ý: - Khi thưởng thức một tác phẩm văn chương, chúng ta có thể thu nhận được những tình cảm và những thông điệp mà tác giả đã lồng ghép trong những tác phẩm ấy hay đôi khi hiểu thêm về phương pháp vận dụng các biện pháp nghệ thuật, cách dẫn dắt vấn đề,… Bởi lẽ văn chương chính là một món quà quý giá mà chúng ta có được, ở đó không chỉ có những sự ngợi ca, sự khích lệ mà còn hơn cả đó là tiếng lòng, tình yêu thương cùng với sự đồng cảm với những kiếp người lầm lũi được các nhà văn, nhà thơ gửi gắm vào từng câu, từng chữ.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (72 phút)**

**I . Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB và sử dụng một số kĩ thuật đọc khi trả lời các câu hỏi *Trong khi đọc*.

***b. Sản phẩm:*** Những ghi chú, câu hỏi khi đọc VB, phần trả lời câu hỏi *Suy luận* và *Theo dõi* trong khi đọc.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Giao nhiệm vụ học tập:**  GV nêu yêu cầu đọc văn bản, hướng dẫn Hs đọc chú ý ngữ điệu, giọng đọc to rõ.  - Yêu cầu HS đọc trực tiếp văn bản và thực hiện theo yêu cầu của câu hỏi *Trải nghiệm cùng văn bản.* GV hướng dẫn HS đọc và đến chỗ có các số 1,2,3 thì dừng lại một vài phút nhìn qua ô tương ứng để suy ngẫm về những yêu cầu của SGK. Có thể yêu cầu HS tự trả lời bằng cách viết ra giấy.  - Sau khi đọc xong, Gv tổ chức cho HS chia sẻ phần suy nghĩ của mình trong quá trình đọc. B2. Thực hiện nhiệm vụ:HS đọc văn bản, thực hiện nhiệm vụ học tập theo trình tự 1-3.B3. Báo cáo, thảo luận:Hs đọc văn bản và chia sẻ sản phẩm đã thực hiện ở nhà với các thành viên trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.B4. Kết luận, nhận định:GV nhận xét về kĩ năng đọc diễn cảm của HS, cách HS thực hiện kĩ năng suy luận. Sau đó, GV chia sẻ với HS những suy nghĩ của bản thân khi thực hiện các hoạt động theo dõi, suy luận.Câu 1 (Suy luận): Tác giả kể câu chuyện ở đầu văn bản để minh hoạ, dẫn dắt vào ý tưởng thơ ca bắt nguồn từ tình cảm, cảm xúc của con người.( mục đích dẫn dắt và giới thiệu về nguồn gốc của thi ca).Câu 2 (Theo dõi): Một số từ ngữ, câu văn thể hiện đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn:  |  |  | | --- | --- | | Từ ngữ | Câu văn | | “Phạm vi hẹp hòi của bản thân”, “sự sống muôn hình vạn trạng”, “lòng yêu thương vô cùng của nhà văn”, “một người yêu Thuý Kiều nồng nàn hơn Kim Trọng”,… | “Văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. Chẳng những thế, văn chương còn tạo ra sự sống . Vũ trụ này tầm thường, chật hẹp, không đủ thoả mãn mối tình cảm dồi dào của nhà văn?”,… |  Câu 3 (Suy luận): Văn nhân, thi sĩ làm phong phú thêm cuộc sống con người bằng cách dùng tình cảm và sự sáng tạo của bản thân để làm phong phú thêm ý nghĩa khi miêu tả thế giới. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  - Đọc  - Chia sẻ  - Thể loại: Văn bản nghị luận |

**III. Suy ngẫm và phản hồi**

***1. Tìm hiểu luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản***

***a. Mục tiêu:***

### – Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.

### – Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

***b. Sản phẩm:*** Phần thực hiện phiếu học tập của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Giao nhiệm vụ học tập:**  GV chiếu phiếu học tập 1, 2 và 3, chia lớp thành 6 nhóm yêu cầu các nhóm thực hiện theo phiếu học tập. Phiếu học tập số 1: nhóm 1,2. Phiếu học tập số 2: nhóm 3, 4. Phiếu học tập số 3: nhóm 5,6.   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **TÌM HIỂU LUẬN ĐỀ, LUẬN ĐIỂM, LÍ LẼ VÀ BẰNG CHỨNG TRONG VĂN BẢN**  **Câu 1:** Luận đề của VB là gì? Xác định bố cục và luận điểm của văn bản dựa vào gợi ý sau:   * Luận đề của VB * Bố cục và luận điểm:  |  |  | | --- | --- | | **Bố cục của văn bản** | **Luận điểm** | | Phần 1: Từ đầu đến “lòng vị tha” | Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người, lòng thương muôn vật, muôn loài | | Phần 2: … | …. | |   *Gợi ý : Xác định luận đề dựa vào nhan đề văn bản, nội dung bao quát của VB. Xác định bố cục và nội dung chính của từng phần, từ đó suy ra luận điểm*.   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **TÌM HIỂU LUẬN ĐỀ, LUẬN ĐIỂM, LÍ LẼ VÀ BẰNG CHỨNG**  **TRONG VĂN BẢN**  **Câu 2:** Vẽ sơ đồ dựa vào gợi ý sau:  Luận điểm 2  ………………………………………..  Lí lẽ + bằng chứng  ………………………………………..  LUẬN ĐỀ:  ………………………………………..  Luận điểm 1  ………………………………………..  Luận điểm 1.1  ……………………………………..  Luận điểm 1.2  ………………………………………..  Lí lẽ + bằng chứng  ………………………………………..  Lí lẽ + bằng chứng  ……………………………………….. |   *Lưu ý:* Nội dung VB tương đối phức tạp, với các luận điểm nhỏ để triển khai ý tưởng luận điểm lớn. Để HS nhận ra hệ thống luận điểm nhỏ, GV hướng dẫn HS chú ý vào các phương tiện liên kết, chuyển ý trong văn bản.  Văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. **Chẳng những thế**, văn chương còn sáng tạo ra sự sống.  Vậy thì, **hoặc hình dung sự sống, hoặc sáng tạo ra sự sống**, nguồn gốc của văn chương là tình cảm, là lòng vị tha”.   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  **TÌM HIỂU LUẬN ĐỀ, LUẬN ĐIỂM, LÍ LẼ VÀ BẰNG CHỨNG**  **TRONG VĂN BẢN**  **Câu hỏi 3:** Lí lẽ, bằng chứng nào trong văn bản *Ý nghĩa văn chương* của Hoài Thanh để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất? Hãy chia sẻ ấn tượng của em với các bạn. |  B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.B3. Báo cáo, thảo luận: Đại diện các nhóm trình bày kết quả, thảo luận chung trong lớp. **B4. Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét sản phẩm của các nhóm, sau đó kết luận. Chú ý GV hướng dẫn HS dựa vào sơ đồ đã vẽ để nhận xét vai trò của những lí lẽ, bằng chứng ở phần 2 trong việc góp phần làm sáng tỏ luận đề.   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục văn bản** | **Luận điểm** | | Phần 1: Từ đầu đến “lòng vị tha” | Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người, lòng thương muôn vật, muôn loài | | Phần 2: Phần còn lại | Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có; cuộc đời phù phiếm và chật hẹp của cá nhân vì văn chương mà trở nên thâm trầm và rộng rãi đến nghìn lần |   **Câu 3**: Đây là câu hỏi mở, HS trả lời dựa vào sơ đồ đã thực hiện kết hợp với cảm nhận, đánh giá chủ quan của bản thân, từ đó HS nhận ra, phân tích lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu trong VB.  (Lí lẽ: Văn nhân, thi nhân dùng văn chương để khơi gợi cảm xúc của con người và bằng chứng: Tình cảm, cảm giác của người thời bây giờ đều do người xưa sáng tạo, lấy cảm hứng từ thế giới khách quan và lưu truyền lại trong văn bản đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất bởi nó giúp em hiểu rõ hơn về ý nghĩa của văn chương.) | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  ***1. Tìm hiểu luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản***  - Luận đề của văn bản: Ý nghĩa văn chương  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1: Từ đầu đến “lòng vị tha”  + Phần 2: Phần còn lại  - Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Luận điểm** | | **Bằng chứng** | **Lí lẽ** | | **Luận điểm 1:**  Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người, lòng thương muôn vật, muôn loài | **LUẬN ĐIỂM 1.1**  Văn chương là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng | Những cảnh thiên nhiên tươi đẹp mà bình thường do mưu sinh con người bỏ lỡ | Văn chương có nhiệm vụ “vén tấm màn đen ấy, tìm cái hay, cái đẹp, cái lạ” để “làm cho người ta cùng nghe, cùng thấy, cùng cảm” qua tác phẩm | | **LUẬN ĐIỂM 1.2**  Văn chương còn sáng tạo ra sự sống | Quá trình sáng tác của nhà văn: sáng tạo ra thế giới khác, những người, sự vật khác | Để “thoả mãn mối tình cảm dồi dào” của nhà văn | | Trường hợp Nguyễn Du và nhân vật Thuý Kiều | Sự sáng tạo của nhà văn gắn với tình yêu thương tha thiết, để “trao sự sống” cho nhân vật | | **Luận điểm 2:**  Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có; cuộc đời phù phiếm và chật hẹp |  | Những ví dụ để chứng minh rằng phần nhiều những tình cảm, những cảm giác của người thời bây giờ đều do một ít người xưa có thiên tài sáng tạo ra và truyền lại | – Cả phong cảnh đã thay hình đổi dạng từ khi có những nhà văn đưa cảm giác riêng của họ làm thành cảm giác chung của mọi người  – Thế giới như ngày nay là một sự sáng tạo của nghệ sĩ  – Nếu thiếu nghệ sĩ trong lịch sử và tâm linh nhân loại, “cảnh tượng nghèo nàn sẽ đến bực nào” |   => Những lí lẽ và bằng chứng đã góp sức mình vào việc phản ánh, tái hiện thế giới khách quan vào thế giới nghệ thuật trong văn chương, từ đó khơi gợi những cảm xúc và tình yêu thương trong mỗi cá nhân, trong mỗi cộng đồng, góp phần tạo nên ý nghĩa của văn chương là tô điểm cho đời người và trao cho đời người những ý nghĩa sâu, rộng. |

***2. Tìm hiểu cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan trong văn bản***

***a. Mục tiêu:*** Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS .

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Giao nhiệm vụ học tập:**Cá nhân HS trả lời câu 4 trong SGK theo mẫu sau:   |  |  | | --- | --- | | **Cách trình bày vấn đề khách quan** | **Cách trình bày vấn đề chủ quan** | | … | … | | **Nhận xét về việc kết hợp hai cách trình bày:**  … | |   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần) B3. Báo cáo, thảo luận: HS trình bày ý kiến, các HS khác nhận xét, bổ sung. **B4. Kết luận, nhận định:** GV tóm tắt ý kiến của HS, bổ sung theo định hướng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Cách trình bày vấn đề khách quan** | **Cách trình bày vấn đề chủ quan** | | Thể hiện qua các thông tin, bằng chứng khách quan cho thấy các đặc trưng của văn chương và quá trình sáng tạo của nhà văn: “văn chương sẽ là hình dung của cuộc sống muôn hình vạn trạng”, “văn chương còn sáng tạo ra sự sống”, “nhà văn sẽ tạo ra những thế giới khác, những người, những vật khác”, “Sự sáng tạo này cũng có thể xem là xuất ở mối tình yêu thương tha thiết”,… | Thể hiện qua các từ ngữ, câu văn, hình ảnh cho thấy tình cảm trân trọng, ngợi ca của tác giả với ý nghĩa văn chương và quá trình sáng tạo của nhà văn: “thoát mình ra ngoài phạm vi hẹp hòi của bản thân để sống cái đời của mọi người, mọi vật”, “vụ trụ này tầm thường, chật hẹp, không đủ thoả mãn mối tình cảm dồi dào của nhà văn”, “mối tình yêu thương tha thiết”, “lòng yêu thương vô cùng của nhà văn”, “chính Nguyễn Du đã trao sự sống của mình cho thiếu nữ trong truyện”,… | | **Nhận xét:** Trong đoạn văn, hai cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan được kết hợp với nhau một cách khéo léo, trong khi trình bày thông tin khách quan, tác giả cũng đồng thời thể hiện tình cảm, cách đánh giá của mình.  Cách kết hợp này làm tăng sức thuyết phục của VB, vừa đảm bảo tính khách quan, chính xác, chân thực của các bằng chứng (thông qua cách trình bày vấn đề khách quan), vừa tác động vào tình cảm, khơi gợi sự đồng cảm của người đọc đối với tình cảm, đánh giá của người viết trong VB (thông qua cách trình bày vấn đề chủ quan). | | | **2/**Cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan trong văn bản  - Cách trình bày khách quan: Thể hiện qua các thông tin, bằng chứng khách quan cho thấy các đặc trưng của văn chương và quá trình sáng tạo của nhà văn.  - Cách trình bày chủ quan: Thể hiện qua các từ ngữ, câu văn, hình ảnh cho thấy tình cảm trân trọng, ngợi ca của tác giả với ý nghĩa văn chương và quá trình sáng tạo của nhà văn.  => Hai cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan được kết hợp với nhau một cách khéo léo, trong khi trình bày thông tin khách quan, tác giả cũng đồng thời thể hiện tình cảm, cách đánh giá của mình. |

***C. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM THỂ LOẠI VÀ RÚT RA KINH NGHIỆM ĐỌC (8 phút)***

***a. Mục tiêu:*** Khái quát đặc điểm thể loại và rút ra kinh nghiệm đọc với VB nghị luận.

***b. Sản phẩm:*** Bảng tóm tắt kiến thức.

***c. Tổ chức thực hiện:***

**B1. Giao nhiệm vụ học tập:**Cá nhân HS hoàn thành bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Yếu tố của văn bản  nghị luận** | **Khái niệm/ Đặc điểm** |
| Luận đề |  |
| Luận điểm | … |
| Lí lẽ | … |
| Bằng chứng | … |
| Cách trình bày vấn đề khách quan | … |
| Cách trình bày vấn đề chủ quan | … |

### B2,3. Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo, thảo luận

### HS phác thảo ý tưởng về sản phẩm, trình bày suy nghĩ và chia sẻ với các bạn trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

### B4. Kết luận, nhận định: GV kết luận, nhận định về đặc điểm VB nghị luận và cách đọc.

|  |  |
| --- | --- |
| **Yếu tố của văn bản  nghị luận** | **Khái niệm/ Đặc điểm** |
| Luận đề | - Là vấn đề được bàn luận trong văn bản nghị luận, có tính chất bao trùm xuyên suốt văn bản.  - Mỗi văn bản thường chỉ có một luận đề thể hiện ở nhan đề, một số câu hoặc khái quát từ nội dung toàn bộ văn bản. |
| Luận điểm | - Là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm trong bài văn nghị luận.  - Một bài văn thường có các luận điểm: luận điểm chính, luận điểm xuất phát, luận điểm khai triển |
| Lí lẽ | - Là những câu nói, câu viết được nêu ra nhằm làm căn cứ thuyết phục người khác. Từ ngữ này được dùng trong nhiều ngữ cảnh khác nhau, đặc biệt là trong tranh luận, thuyết trình |
| Bằng chứng | - Là các thông tin, sự kiện, tài liệu hoặc tư liệu khác được sử dụng để chứng minh tính chất đúng đắn của ý kiến.  - Bằng chứng có thể bao gồm các tài liệu nghiên cứu, số liệu thống kê, ví dụ cụ thể hoặc trích dẫn từ các tác giả uy tín |
| Cách trình bày vấn đề khách quan | - Là đưa thông tin, nêu ra các bằng chứng khách quan.  - Cách trình bày tạo ra cơ sở vững chắc, đảm bảo tính chính xác đúng đắn cho các lập luận. |
| Cách trình bày vấn đề chủ quan | - Là đưa ra ý kiến đánh giá chủ quan thể hiện rõ tình cảm quan điểm của người viết.  - Cách trình bày này tác động đến cảm xúc của người đọc, khơi gợi sự đồng cảm mối quan tâm của người đồng về những vấn đề được bàn luận. |

***D. VẬN DỤNG (5 phút)***

***a. Mục tiêu:*** Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

***b. Sản phẩm:*** Phần trả lời câu 5, câu 6 trong SGK.

***c. Tổ chức thực hiện:***

**B1. Giao nhiệm vụ học tập:**

- HS sưu tầm tư liệu để cho thấy những cách nhìn khác nhau về thiên nhiên (câu 5). *Lưu ý:* GV nên cho HS chuẩn bị ví dụ trước ở nhà bằng cách tìm các đoạn thơ, đoạn văn cùng viết về những hình ảnh thiên nhiên quen thuộc với các em.

- HS viết đoạn văn theo yêu cầu đã nêu trong câu 6.

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ

B3. Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện nhóm HS trình bày sản phẩm sưu tầm.

- Một số HS trình bày đoạn văn, các HS khác nhận xét, góp ý.

B4. Kết luận, nhận định:

GV tóm tắt câu trả lời của các nhóm HS, khẳng định có nhiều cách nhìn, cách cảm nhận khác nhau về cùng một vấn đề, chi tiết, hình ảnh trong VB văn học.

Câu 6 là một câu hỏi liên hệ, vận dụng, giúp HS kết nối những gì đã đọc với trải nghiệm thực tế của bản thân. HS có quyền trả lời theo ý kiến, quan điểm cá nhân. GV nhận xét về cách HS thực hiện kĩ năng viết đoạn văn.

**BÀI 2. GIÁ TRỊ CỦA VĂN CHƯƠNG**

**A.3 - VĂN BẢN 3: ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM:**

**THƠ CA**

***(Ra-xum Gam-da-tốp)***

(Thời gian thực hiện: 01 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực:**

**1.1 Năng lực đặc thù**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung văn bản.

- Liên hệ, kết nối với văn bản ***Về hình tượng bà Tú trong bài “Thương vợ”*** và ***Ý nghĩa văn chương*** để hiểu hơn về chủ điểm ***Giá trị của văn chương*.**

**1.2 Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

**2. Về phẩm chất:**

- Yêu thơ ca, biết rung cảm trước cái đẹp.

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập KHBD.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- Tài liệu, video liên quan đến nội dung bài học.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Đọc 1 đoạn thơ hoặc bài thơ mà em yêu thích?

- Cho biết lí do vì sao em lại thích đoạn thơ/ bài thơ đó?

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

HS hoạt động cá nhân: theo dõi, quan sát, suy nghĩ **.**

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét, chuyển dẫn vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**PHẦN I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc.

**b. Nội dung**: GV hướng dẫn HS đọc văn bản

**c. Sản phẩm:** Phần đọc của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS giải thích từ khó trước khi đọc văn bản.  - Văn bản thuộc thể loại nào?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  HS hoạt động cá nhân: theo dõi, quan sát, suy nghĩ **.**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chuyển dẫn vào bài. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản.**  **1. Đọc văn bản.**  **2. Thể loại.**  - Thơ tự do. |

**PHẦN II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

- Liên hệ, kết nối với văn bản ***Về hình tượng bà Tú trong bài “Thương vợ”*** và ***Ý nghĩa văn chương*** để hiểu hơn về chủ điểm ***Giá trị của văn chương*.**

**b. Nội dung**:

- HS thực hiện hoạt động ở nhà.

- Lên lớp giáo viên hướng dẫn học sinh báo cáo sản phẩm.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia nhóm thực hiện PHT 1 và 2  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  HS hoạt động cá nhân: theo dõi, quan sát, suy nghĩ **.**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chuyển dẫn vào bài. | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Vai trò và ý nghĩa của thơ ca** |

Đọc văn bản “Thơ ca” và hoàn thành phiếu

**PHIẾU HỌC TẬP 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **HÌNH ẢNH SO SÁNH** | **TÁC DỤNG, Ý NGHĨA** |
| Thơ vừa là nghỉ ngơi, vừa là việc đầy lao lực, Thơ vừa là chỗ dừng chân, vừa là cuộc hành trình. | Thơ ca theo con người trong suốt hành trình cuộc đời.  Sống với thơ, con người sẽ tìm được sự yên tĩnh trong tâm hồn, sẽ được nghỉ ngơi => tâm hồn con người sẽ tiếp tục cuộc hành trình trên đường đời, để lớn khôn hơn,… |
| Thơ như bài hát ru, ngây ngất đầu giường thơ bé, Như mơ ước mùa xuân, như khát vọng chiến công | Thơ ca mang theo kí ức tuổi thơ và những ước mơ, hoài bão. |
| Khi tôi nhỏ thơ giống như bà mẹ, Tôi lớn lên, thơ lại giống người yêu, Chăm sóc tuổi già, thơ sẽ là con gái, Lúc từ giã cõi đời, kỉ niệm hóa thơ lưu. | Thơ ca gắn liền với những gì thân thiết, cao cả nhất, *là* sự săn sóc, yêu thương và đong đầy tình cảm. Thơ thấm sâu vào lòng ta, thức dậy những tình cảm cao quý. |
| Có lúc thơ như trái núi cao không thể tới, Có lúc thành cánh chim sà đậu xuống lòng tay. | Thơ ca là tiếng hát của trái tim, là nơi dừng chân của tâm hồn. |
| Thơ như đôi cánh nâng tôi bay Thơ là vũ khí trong trận đánh | Thơ ca đã nuôi dưỡng ước mơ và tiếp thêm nguồn lực cho mỗi người. |
| Là tất cả, thơ ơi, chỉ trừ không chịu là yên tĩnh! | Bởi trong thơ luôn âm vang những thanh âm cuộc đời mà mỗi thi sĩ đã dụng tâm gửi gắm. |
| - Em thích hình ảnh tác giả so sánh *“Thơ là vũ khí trong trận đánh”* nhất bởi nó khiến em nhớ tới giai đoạn đất nước ta trong những cuộc kháng chiến chống quân xâm lược, nhất là hai trận chiến chống Pháp và Mỹ. Trong hai cuộc chiến tranh khốc liệt ấy, thơ ca đã hóa thân trở thành thứ vũ khí sắc bén vừa khơi dậy lòng yêu nước và tình đoàn kết của nhân dân ta, vừa đấu tranh với kẻ thù trên mặt trận văn hóa, văn học, … | |
| **Vai trò, ý nghĩa của thơ ca:**  + Thơ như một người bạn đồng hành, mang đến sự an ủi và bình yên trong những lúc nghỉ ngơi, đồng thời khơi dậy cảm hứng và ý chí phấn đấu.  + Thơ ca không chỉ là nơi trú ẩn của tâm hồn mà còn là nguồn sức mạnh, giúp con người vượt qua khó khăn và hướng tới tương lai.  + Qua từng giai đoạn cuộc đời, thơ luôn hiện diện, nâng niu và chăm sóc, từ thuở ấu thơ đến tuổi già.  + Thơ ca luôn là ngọn lửa không bao giờ tắt, không chịu sự yên tĩnh, mà luôn sôi động và tràn đầy sức sống. | |

**2. Tâm nguyện của nhà thơ**

**PHIẾU HỌC TẬP 2**

|  |  |
| --- | --- |
| Em hiểu như thế nào về tâm nguyện của nhà thơ:*“Tôi nguyện suốt đời trung thực sống cho thơ”*? | Nhà thơ coi thơ ca là mục tiêu quan trọng của cuộc đời, mong muốn được chân thành đóng góp bút lực và tiếng nói của mình cho thơ ca để cùng thơ ca tái hiện lại và tô điểm thêm cho mọi khoảnh khắc của đời sống. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng những kiến thức đã học vào tham gia trò chơi.

**b. Nội dung**: Tổ chức trò chơi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và thái độ tham gia trò chơi của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV phổ biến luật chơi.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  HS hoạt động cá nhân: theo dõi, quan sát, suy nghĩ **.**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Gv nhận xét, cho điểm. | Câu trả lời của HS |

**IV. Hồ sơ dạy học**

Đọc văn bản “Thơ ca” và hoàn thành phiếu

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Nhũng hình ảnh so sánh để nói về thơ | Vai trò, ý nghĩa của thơ ca |
|  |  |

**PHT số 2**

|  |
| --- |
| Em hiểu như thế nào về tâm niệm của nhà thơ: “Tôi nguyện suốt đời trung thực sống cho thơ”? |

**A.4 - VĂN BẢN 4: ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI:**

**TÍNH ĐA NGHĨA TRONG BÀI THƠ BÁNH TRÔI NƯỚC**

**–Vũ Dương Quỹ –**

(Thời gian thực hiện: 01 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

– Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).

– Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.

– Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

– Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

**2. Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung:**

*– Năng lực tự học và tự chủ:* Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát hình ảnh đề hiểu về thể loại.

*– Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác để giải quyết vấn đề về văn bản tính đa nghĩa trong bài thơ bánh trôi nước.

**2.2. Năng lực đặc thù:**

**a. Văn bản đọc kết nối chủ điểm:**

– Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

– Liên hệ, kết nối với VB *Về hình tượng bà Tú trong bài “Thương vợ”* và *Ý nghĩa văn chương* để hiểu hơn về chủ điểm *Giá trị của văn chương*.

**b. Văn bản đọc mở rộng theo thể loại:**

– Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.

– Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong văn bản, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau

**3. Phẩm chất:**

– Trân trọng vẻ đẹp của cuộc sống thông qua tác phẩm thơ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập KHBD.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- Tài liệu, video liên quan đến nội dung bài học.

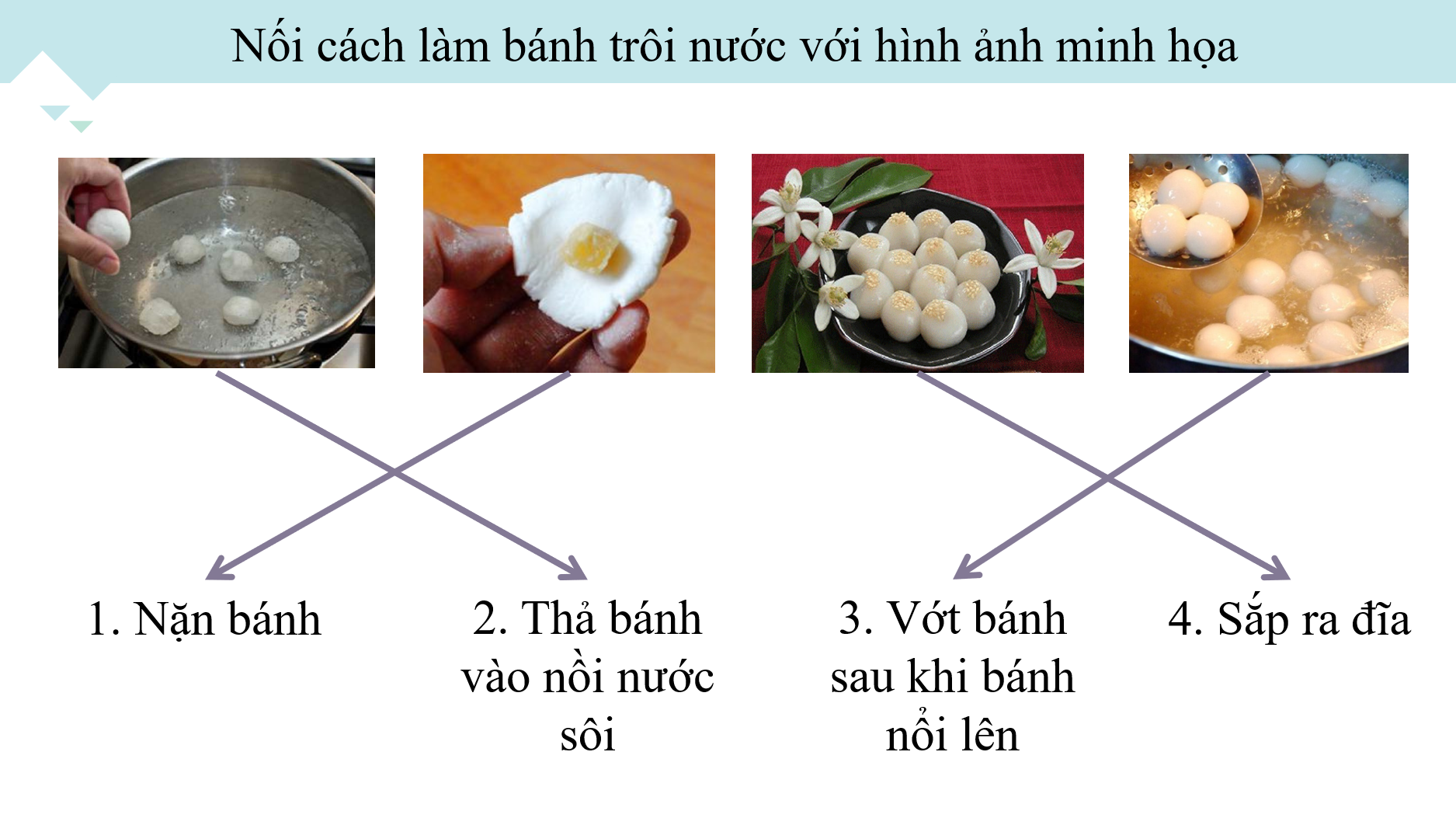
**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình*.*

**b. Nội dung:**



**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ

(như mục nội dung)

**\*Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ

– HS tham gia chia sẻ cảm nhận.

**\*Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– GV động viên tất cả HS trong lớp đều tham gia và nộp lại phiếu cho GV.

**\* Bước 4:** Kết luận, nhận định

– GV nhận xét, khen ngợi HS.

– Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Hoạt động 2.1.Trải nghiệm cùng văn bản**  **a. Mục tiêu:** Đọc, xác định thể loại của văn bản.  **b. Nội dung:** trình bày về thể loại văn bản  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS*.*  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  (mục nd)  – Dựa vào phần chuẩn bị ở nhà, hãy kể một số giai thoại thú vị/ những hiểu biết của em về Hồ Xuân Hương.  – Trình bày những hiểu biết cơ bản của em về tác phẩm “Bánh trôi nước”.  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  – HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày.  ***\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  – GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  ***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***  – GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **– Tác giả**  Vũ Dương Quỹ (1939 – 2021) là nhà giáo ưu tú, tác giả của nhiều bài viết bình giảng tác phẩm văn học trong nhà trường.  **– Tác phẩm**  **1. Thể loại**  – Tác phẩm Tính đa nghĩa trong bài thơ “Bánh trôi nước” thuộc thể loại: văn bản nghị luận.  **2. Xuất xứ**  – Văn bản được in trong Những ấn tượng văn chương, NXB Giáo dục, 2003.  **3. Phương thức biểu đạt**  – Phương thức biểu đạt: nghị luận.  **4. Bố cục đoạn trích Tính đa nghĩa trong bài thơ Bánh trôi nước**  – Phần 1 (từ đầu đến biết bao người): Nghĩa thứ nhất: tả thực.  – Phần 2 (đoạn còn lại): Nghĩa thứ hai: bài thơ nói về nhan sắc, thân phận và phẩm chất người phụ nữ.  **5. Tóm tắt Tính đa nghĩa trong bài thơ Bánh trôi nước.**  Văn bản đưa ra các luận điểm, dẫn chứng xác thực về lớp nghĩa tả thực và nghĩa ẩn dụ trong bài thơ “Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương. Qua đó, văn bản đã cho ta thấy bài thơ Bánh trôi nước thể hiện hình thể xinh đẹp, phẩm chất trong trắng, son sắt, cùng thân phận chìm nổi của người phụ nữ Việt Nam xưa một cách sâu sắc. Với bài thơ này, nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương đã hai lần hóa thân, vừa làm chiếc bánh trôi vừa nhân danh người phụ nữ để tâm sự với bạn đọc, truyền tới bạn đọc nhũng tình cảm trong sáng, nhân văn. Bánh trôi nước đúng là áng văn chương đa nghĩa, độc đáo. |
| **2. Hoạt động 2.2: Suy ngẫm và phản hồi**  **a. Mục tiêu:** Báo cáo sản phẩm đọc kết nối chủ điểm.  – Nhận diện và xác định được đối tượng, sự việc xuất hiện trong văn bản.  – Xác định và phân tích được ý nghĩa của văn bản.  – Nêu được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ thông qua các từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ và vần, nhịp,…  **b. Nội dung:** HS báo cáo kết quả đọc đã thực hiện ở nhà và trả lời các câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* trong SGK.  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ (như mục nd)**  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà, chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận** *HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.* **\* Bước 4: Kết luận, nhận định**  Dựa trên câu trả lời của HS, GV hướng dẫn | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **\* Văn bản: Thơ ca**  **1. Hình ảnh so sánh nói về thơ ca:**  **–** Các hình ảnh so sánh được sử dụng để nói về thơ ca: “nghỉ ngơi”, “việc đầy lao lực”, “chốn dừng chân”, “cuộc hành trình”, “bài hát ru”, “mơ ước mùa xuân”, “khát vọng chiến công”, “bà mẹ”, “người yêu”, “con gái”, “trái núi cao không thể tới”, “cánh chim sà đậu xuống lòng tay”, “đôi cánh nâng tôi bay”, vũ khí trong trận đánh”. |
| **\* Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ** (như mục nd)  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  – Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện một số nhóm báo cáo, các nhóm khác bổ sung.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định**  Dựa trên câu trả lời của HS, GV hướng dẫn | **2. Tâm niệm của nhà thơ:**  “trung thực sống cho thơ” có thể hiểu là coi thơ ca là mục tiêu quan trọng của cuộc đời, chân thật giãi bày cảm xúc vào thơ, thông qua thơ để thể hiện niềm trung thực của bản thân với cuộc đời. |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  – HS hoạt động cá nhân: 2 phút  – HS thảo luận nhóm: 3 phút  – GV theo dõi, hướng dẫn HS (nếu cần)  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  Đại diện nhóm báo cáo.  – Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  – GV nhận xét về thái độ học tập và kết quả làm việc của từng nhóm HS. Chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  – Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **\* Văn bản:** Tính đa nghĩa trong bài thơ "Bánh trôi nước"  1**. Cách trình bày khách quan và chủ quan:**  – Cách trình bày vấn đề khách quan:  + Thông tin về bánh trôi nước – tầng nghĩa tả thực của bài thơ (bánh trôi mang màu trắng của bột nếp, nếu người làm bánh nhào nhiều bột nhiều nước quá thì bánh “nát”, ít nước quá thì “rắn”,…)  + Các từ ngữ trích từ bài thơ “Thân em…”, “Mà em…”.  – Cách trình bày vấn đề chủ quan: thể hiện ở những từ ngữ, hình ảnh, câu văn cho thấy tình cảm ngợi ca, thán phục với tài năng thơ của Hồ Xuân Hương, tình cảm trân trọng với hình ảnh bánh trôi nước trong bài thơ (“Hồ Xuân Hương quả là một người biết miêu tả sự vật”, “hình ảnh chiếc bánh trôi hiện ra thật đáng yêu”, …). |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  – HS hoạt động cá nhân: 2 phút  – HS thảo luận nhóm: 3 phút  – GV theo dõi, hướng dẫn HS (nếu cần)  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  – Đại diện nhóm báo cáo.  Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  – GV nhận xét về thái độ học tập và kết quả làm việc của từng nhóm HS. Chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  – Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **2. Luận đề, luận điểm. lí lẽ và bằng chứng**  **– Luận đề:** Tính đa nghĩa trong bài thơ *Bánh trôi nước.*  **– Luận điểm:**  **+ Luận điểm 1:** Nghĩa thứ nhất là nghĩa tả thực.  *– Lí lẽ:* Quá trình hình thành của chiếc bánh trôi  *– Bằng chứng:*  + Tác giả đưa ra cách làm bánh trôi qua việc miêu tả quá trình ấy, qua đó thấy được Hồ Xuân Hương là một người am hiểu về miêu tả sự vật.  + Bánh trôi như có linh hồn hay chính Hồ Xuân Hương đã thổi hồn vào nó.  **+ Luận điểm 2:** Nghĩa thứ hai của bài thơ nói về nhan sắc, thân phận và phẩm chất người phụ nữ.  *– Lí lẽ:* Nhan sắc, thân phận và phẩm chất của người phụ nữ trong xã hội cũ  *– Bằng chứng:*  + Tác giả phân tích bài thơ sử dụng các bằng chứng trong bài để chứng minh về lí lẽ trên  + Tác giả liên hệ tới thân phận của người phụ nữ trong xã hội cũ đó là phụ thuộc, long đong nhưng bản lĩnh của họ sẽ vượt lên trên cảnh ngộ, vẫn son sắt thuỷ chung... |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  – HS hoạt động cá nhân  – GV theo dõi, hướng dẫn HS (nếu cần)  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  – GV nhận xét về thái độ học tập và kết quả làm việc của từng nhóm HS. Chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  – Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **3. Tác dụng của lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu.**  **(HS tự trình bày cá nhân)** |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:**Củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Câu 4/ Sgk

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.

***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***

–HS làm việc cá nhân.

– GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).

***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***

– HS thể hiện ý kiến đồng tình/ phản đối và đưa ra lí lẽ, bằng chứng để lập luận tuỳ theo quan điểm, góc nhìn của cá nhân.

– HS trình bày thêm những hiểu biết của bản thân về thân phận và phẩm chất của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

– Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

***\*B4: Kết luận, nhận định:***

– GV nhận xét, đánh giá câu trả lời HS.

– Giải thích ý kiến của tác giả: thông qua hình ảnh bánh trôi nước (hàm ý nói về thân phận, phẩm chất người phụ nữ), Hồ Xuân Hương đã khái quát lên nỗi lòng, thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

– GV cũng có thể cung cấp thêm một vài tư liệu để giúp HS hiểu rõ hơn về vấn đề này.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (làm ở nhà – sau tiết học)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản *sưu tầm thêm những bài thơ khác của Hồ Xuân Hương.*

**b.** **Nội dung:**

– Nhiệm vụ về nhà: *Sưu tầm ít nhất 02 bài thơ.*

**c.** **Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện đúng thời gian quy định.

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân (ở nhà).

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS nộp bài cá nhân.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét bài làm của HS, tuyên dương những HS có tinh thần học tập tích cực, sáng tạo và chủ động. Động viên, khuyến khích những HS chưa hoàn thành được nhiệm vụ.

**Bài 2: GIÁ TRỊ CỦA VĂN CHƯƠNG**

**A.5 - THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**CÁCH THAM KHẢO, TRÍCH DẪN TÀI LIỆU ĐỂ TRÁNH ĐẠO VĂN**

Thời gian: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU: Sau khi học xong bài này, học sinh có thể:**

**1. Về năng lực**

***1.1 Năng lực đặc thù***

- Trình bày được một số lưu ý về cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

* 1. ***Năng lực chung***

- Năng lực giao tiếp và hợp tác.

**2. Về phẩm chất:**

Trung thực và có trách nhiệm, hiểu và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

**II. KIẾN THỨC**

* Cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- SGK, SGV.

– Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

– Phần *Tri thức Ngữ văn* và *Thực hành tiếng Việt* trong SGK, SGV, Từ điển tiếng Việt (GV chuẩn bị một cuốn, HS chuẩn bị theo nhóm).

– PHT số 1 để HS khái quát nội dung bài học.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU.**

**1. Hoạt động xác định nhiệm vụ học tập tiếng Việt**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được nhiệm vụ học tập.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\*Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập:*HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt*, đọc lướt phần *Tri thức tiếng Việt* và *Thực hành tiếng Việt*, trả lời câu hỏi: Trong bài học này, chúng ta sẽ học kiến thức tiếng Việt nào? Nhiệm vụ học tập cần thực hiện trong bài học này là gì?

\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày câu trả lời.

\*Bước 4: Kết luận, nhận định:Nhận xét, kết luận:

– Kiến thức: Học về cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

– Nhiệm vụ học tập: Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn (phần tiếng Việt) để vận dụng giải các bài tập trong phần Thực hành tiếng Việt.

**2. HOẠT ĐỘNG KÍCH HOẠT TRI THỨC NỀN**

***a. Mục tiêu:***Kích hoạt được kiến thức nền về vấn đề đạo văn và cách thức tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

***b. Sản phẩm:*** Phần điền phiếu K-W-L của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*Nhóm 2 HSđiền thông tin vào cột K-W trong bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **K**  **(Điều tôi đã biết)** | **W**  **(Điều tôi muốn tìm hiểu)** | **L**  **(Điều tôi học được)** |
| *Ghi lại ít nhất một điều em đã biết về vấn đề đạo văn*  … | *Ghi lại ít nhất một điều em muốn tìm hiểu trong bài học này*  … | *Sau khi học xong, em hãy ghi lại ngắn gọn những kiến thức trọng tâm bản thân thu nhận được*  … |

\* Thực hiện nhiệm vụ: Cá nhân HS suy nghĩ, điền vào cột K và cột W, sau đó trao đổi với bạn cùng nhóm.

\* Báo cáo, thảo luận: Đại diện các nhóm nêu câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

\* Kết luận, nhận định: GV tổng kết ý kiến của các nhóm, dẫn dắt vào bài học.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

***b. Sản phẩm:*** Phần ghi chú, câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS đọc phần *Tri thức Ngữ văn* mục *Cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn* và trả lời các câu hỏi sau:

– Đạo văn là gì?

– Để tránh đạo văn, chúng ta cần làm gì?

– Trình bày các nội dung thường có của phần trích dẫn.

**\*** Thực hiện nhiệm vụ: Cá nhân HS đọc SGK và ghi ra câu trả lời.

\* Báo cáo, thảo luận: HS trình bày câu trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

\* Kết luận, nhận định:GV chốt một số vấn đề về đạo văn, cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn (dựa vào Tri thức Ngữ văn trong SGK).

**C: Luyện tập, vận dụng – Thực hành tiếng việt.**

**1. Hoạt động thực hành tiếng Việt**

***a. Mục tiêu:*** Thực hành, vận dụng kiến thức về cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để làm bài tập.

***b. Sản phẩm:*** Nội dung trả lời của các bài tập.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* các nhóm nhỏ (từ 4 – đến 6 HS), thực hiện các bài tập 1, 2, 3, 4 trong phần *Thực hành tiếng Việt*.

\* Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận, thực hiện các bài tập.

\* Báo cáo, thảo luận: HS trình bày kết quả thảo luận nhóm trước lớp.

\* Kết luận, nhận định:

–GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm.

– GV nhận xét, kết luận đáp án của các bài tập:

**Bài tập 1:** GV hướng dẫn HS xác định phần trích dẫn trong các trường hợp đã cho và chỉ ra sự khác biệt giữa các phần trích đó.

a. Trong trường hợp a, khi sử dụng câu nói của Nguyễn Trung Trực, người viết đã trích dẫn bằng cách đặt nguyên văn câu chữ của ông trong dấu ngoặc kép.

b. Trong trường hợp b, người viết khi trích dẫn ý “Việt Nam là nước phá rừng nguyên sinh đứng thứ hai thế giới” đã viết rõ nguồn: thông tin về tác giả (*Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc*), năm xuất bản (*2005*). Phần trích dẫn này không được đặt trong dấu ngoặc kép.

c. Trong trường hợp c, khi sử dụng lời đánh giá của ông Hen-ri Lốp-pơ (Henri Lopes), Phó Tổng Giám đốc UNESCO, người viết đã trích dẫn bằng cách đặt nguyên văn câu chữ của ông Hen-ri Lốp-pơ trong dấu ngoặc kép, đồng thời dẫn thêm một số thông tin về tên tác phẩm (bài *Tập thơ Hồ Xuân Hương*), năm xuất bản (*1987*), nơi xuất bản (*Pa-ri)*.

Sự khác biệt giữa các phần tích dẫn: Ở trường hợp a và c, người viết trích dẫn nguyên văn câu nói/ lời đánh giá của người khác và đặt trong dấu ngoặc kép (trích dẫn trực tiếp). Ở trường hợp b, người viết không đặt phần trích dẫn trong dấu ngoặc kép mà viết lại ý tưởng của người khác theo cách diễn đạt của mình (trích dẫn gián tiếp).

**Bài tập 2**: GV yêu cầu HS đọc lại bài *Thơ ca* (Ra-xun Gam-da-tốp) ở phần Đọc kết nối chủ điểm và nhận xét về cách nhóm biên soạn dẫn nguồn bài thơ này. HS cần chỉ ra các yếu tố có phần dẫn nguồn trong đó.

Ở phần Đọc kết nối chủ điểm, tên tác giả được đặt ngay bên dưới bài thơ. Cuối bài thơ, nhóm biên soạn có dẫn nguồn: “(In trong *Đa-ghe-xtan của tôi*, Phan Hồng Giang dịch, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2016). Phần dẫn nguồn này có các thông tin: Tên tác phẩm (*Đa-ghe-xtan của tôi*), dịch giả (Phan Hồng Giang), nhà xuất bản (NXB Kim Đồng), nơi xuất bản (Hà Nội), năm xuất bản (2016).

**Bài tập 3:** GV cho HS trao đổi về việc dẫn nguồn khi sử dụng tranh ảnh, biểu đồ, sơ đồ,… lấy từ Internet. GV cần lưu ý với HS: Trong quá trình viết, khi sử dụng tranh ảnh, biểu đồ, sơ đồ,… lấy từ Internet, chúng ta cần dẫn nguồn vì đây là hành động thể hiện sự tôn trọng ý tưởng của người khác và là việc làm cần thiết để tránh đạo văn.

**Bài tập 4**: HS tự trình bày kinh nghiệm rút ra từ trải nghiệm thực tế và bài học. GV tổng hợp, khái quát lại vấn đề.

**2. Hoạt động khái quát nội dung bài học**

***a. Mục tiêu***

– Khái quát được nội dung chính của bài học.

– Rút ra được những lưu ý khi vận dụng kiến thức về cách tham khảo tài liệu, trích dẫn để tránh đạo văn.

***b. Sản phẩm:*** Phần trả lời của HS vào cột L trong phiếu K-W-L.

***c. Tổ chức thực hiện***:

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS xem lại phần tìm hiểu *Tri thức Ngữ văn, Thực hành tiếng Việt*, tóm tắt những kiến thức trọng tâm, ghi vào cột L trong phiếu K-W- L.

\* Thực hiện nhiệm vụ: HS xem lại các sản phẩm học tập đã thực hiện, ghi những gì đã học được vào cột L.

\* Báo cáo, thảo luận: HS trình bày phần ghi cột L trước lớp. Các HS khác bổ sung.

\* Kết luận, nhận định: GV nhận xét ý kiến của HS, kết luận những kiến thức trọng tâm của bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**Thời gian thực hiện: 3 tiết**

1. **MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động làm việc nhóm.

– Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc lập dàn ý và chuẩn bị bài viết ở nhà.

**1. 2. Năng lực đặc thù**

– Biết viết VB bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

– Viết được một bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

– Hiểu và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, biết cách trích dẫn VB của người khác.

**2. Phẩm chất**

Chăm chỉ và trung thực.

1. **KIẾN THỨC**

– Khái niệm, yêu cầu đối với kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học (nhấn mạnh vào những điểm phát triển so với lớp 8).

– Cách viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

– SGK, SGV.

– PHT số 1 để hướng dẫn HS tìm hiểu lí thuyết về quy trình viết.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động xác định nhiệm vụ viết**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được nhiệm vụ viết.

***b. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt* trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng Viết và xác định nhiệm vụ học tập: Dựa vào yêu cầu cần đạt và tên đề mục phần kĩ năng Viết, các em hãy cho biết: trong bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?

### \* Thực hiện nhiệm vụ: Cá nhân HS đọc SGK và tìm câu trả lời.

### \* Báo cáo, thảo luận: HS trả lời về nhiệm vụ học tập sẽ thực hiện.

### \* Kết luận, nhận định: GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ học tập: Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học. Kiểu bài này HS đã được học ở lớp 8, lên lớp 9 sẽ tiếp tục rèn luyện kĩ năng viết kiểu bài này, nhấn mạnh phân tích nội dung chủ đề và phân tích một số đặc sắc về nghệ thuật.

**2. Hoạt động kích hoạt kiến thức nền về bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học**

***a. Mục tiêu:*** Nhắc lại tri thức về kiểu bài bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (đã học ở lớp 8).

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS thảo luận theo nhóm đôi để hoàn thành bài tập:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài tập khởi động**  Đánh dấu X vào ô Đúng, Sai trong bảng dưới đây. Với trường hợp Sai, hãy lí giải.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhận định về đặc điểm bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học** | **Đúng** | **Sai** | **Giải thích nếu sai** | | Bài viết cần nêu luận điểm của người viết về chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm | … | … | … | | Bằng chứng là những trích dẫn từ VB để làm sáng tỏ luận điểm | … | … | … | | Lí lẽ là những phân tích, lí giải bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm | … | … | … | | Cần khai thác tất cả đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm cần phân tích | … | … | … | | Khi phân tích chủ đề, cần gọi tên chủ đề và đưa ra bằng chứng xác định chủ đề | … | … | … | | Bài viết cần trích dẫn càng nhiều bằng chứng càng tốt | … | … | … | | Cần triển khai cùng lúc luận điểm phân tích chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm | … | … | … | |

### \* Thực hiện nhiệm vụ: Cá nhân HS thực hiện, sau đó thảo luận với bạn cùng nhóm.

### \* Báo cáo, thảo luận: Đại diện các nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác bổ sung.

### \* Kết luận, nhận định: GV nhận xét, kết luận, dẫn dắt vào nội dung bài học:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhận định về đặc điểm bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học** | **Đúng** | **Sai** | **Giải thích nếu sai** |
| Bài viết cần nêu luận điểm của người viết về chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm | X |  |  |
| Bằng chứng là những trích dẫn từ VB để làm sáng tỏ luận điểm | X |  |  |
| Lí lẽ là những phân tích, lí giải bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm | X |  |  |
| Cần khai thác tất cả đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm cần phân tích |  | X | Không cần khai thác tất cả đặc sắc nghệ thuật, chỉ chú trọng vào những nghệ thuật tiêu biểu, gây ấn tượng cho bản thân |
| Khi phân tích chủ đề, cần gọi tên chủ đề và đưa ra bằng chứng xác định chủ đề | X |  |  |
| Bài viết cần trích dẫn càng nhiều bằng chứng càng tốt |  | X | Các bằng chứng trích dẫn cần phù hợp, tiêu biểu, làm sáng tỏ luận điểm |
| Cần triển khai cùng lúc luận điểm phân tích chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm |  | X | Có thể triển khai cùng lúc luận điểm phân tích chủ đề và nghệ thuật; cũng có thể tách luận điểm về chủ đề và nghệ thuật khi phân tích tác phẩm |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

### 1. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết khái niệm, yêu cầu, bố cục kiểu bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

***b. Sản phẩm:*** Phần ghi chú, câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS đọc SGK mục *Tri thức Ngữ văn*, trả lời các câu hỏi:

– Bài văn nghị luận phân tích tác phẩm văn học thuộc kiểu bài gì?

– Bài văn nghị luận phân tích tác phẩm văn học có yêu cầu gì về nội dung và hình thức?

– Trình bày bố cục của bài văn nghị luận phân tích tác phẩm văn học.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK, ghi chú thông tin quan trọng và tìm câu trả lời.

*\* Báo cáo, thảo luận:* HS nêu câu trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*GV kết luận, nhận định về kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học dựa vào *Tri thức Ngữ văn*.

### 2. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc đọc và phân tích VB mẫu.

***b. Sản phẩm:*** Các câu trả lời của HS về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài thông qua việc phân tích VB mẫu.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*: HS đọc thầm VB *Bài văn phân tích, đánh giá truyện ngắn Bồng chanh đỏ* chú ý đến những phần được đánh số và box thông tin tương ứng. Sau đó, thảo luận nhóm đôi về các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB trong SGK.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc VB mẫu, theo dõi các box thông tin hướng dẫn, tìm câu trả lời cho các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Một vài HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

### \* Kết luận, nhận định:

### – GV nhận xét cách HS thảo luận, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm.

### – GV nhận xét, kết luận về đáp án các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB:

**Câu 1:** Bài viết sắp xếp luận điểm theo trình tự: luận điểm 1 về chủ đề tác phẩm, luận điểm 2 về một số nét đặc sắc nghệ thuật. Cách sắp xếp luận điểm này là hợp lí, làm bật lên được các yếu tố về nội dung và hình thức của tác phẩm, thể hiện rõ ràng ý kiến, quan điểm của người viết về chủ đề, một số nét đặc sắc về hình thức.

**Câu 2:** Những phương diện nội dung chủ đề truyện được bài viết triển khai:

– Phương diện thứ nhất: chủ đề thể hiện qua sự việc tìm bắt chim bồng chanh 🡪 Ý nghĩa rút ra: tình yêu thiên nhiên không phải là sự chiếm hữu, mà là tình yêu thiên nhiên trong trạng thái vốn có.

– Phương diện thứ hai: chủ đề được tô đậm hơn qua những biến chuyển trong nhận thức nhân vật Hoài 🡪 Ý nghĩa rút ra: thiên nhiên và con người có sự tương quan; ta cần cẩn trọng khi ứng xử với thiên nhiên vì bất kì hành động vô tâm nào cũng gây ra tổn thương với muôn loài.

Kinh nghiệm khi phân tích nội dung chủ đề của một tác phẩm văn học: có thể khai thác sâu hơn nội dung chủ đề của một tác phẩm khi soi chiếu nội dung chủ đề ấy vào các yếu tố của tác phẩm (sự việc, nhân vật, chi tiết, mạch tình cảm, cảm xúc,…), nhờ đó ta có thể khai thác các tầng ý nghĩa đa dạng, sâu sắc gợi ra từ chủ đề.

**Câu 3:** Cách tác giả phân tích lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ đặc sắc về luận điểm được thể hiện qua bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc sắc  về nghệ thuật** | **Lí lẽ và bằng chứng** |
| Việc xây dựng cốt truyện đơn giản nhưng hấp dẫn | **– Bằng chứng:** lá thư mở đầu câu chuyện có nhắc đến chim bồng chanh đỏ, kể chi tiết quá trình khó khăn bắt chim bồng chanh đỏ  **– Lí lẽ:** lá thư đã mở ra dòng hồi tưởng để nhân vật kể lại kỉ niệm trong quá khứ; việc kể chi tiết quá trình bắt chim bồng chanh đỏ làm cho sự việc trả tự do cho chim trở nên bất ngờ, gợi nhiều suy ngẫm |
| Chi tiết miêu tả bồng chanh đỏ | **– Bằng chứng:** “Nó nằm im thin thít trong lòng bàn tay tôi. Dường như nó quá hoảng sợ vì biết mình đã bị bắt cóc”, dẫn lại sự việc Hoài viết thư gửi anh Hiền kể về chuyện đôi bồng chanh đã quay về tổ cũ  – **Lí lẽ**: chim bồng chanh như có linh hồn và cảm xúc, chi tiết này khiến tôi thực sự hạnh phúc, khi con người biết yêu quý, tôn trọng thiên nhiên, thì thiên nhiên sẽ không bỏ rơi con người |
| Cách xây dựng tâm lí | **– Bằng chứng:** ngôi kể thứ nhất, dẫn lại tâm trạng của nhân vật “tôi”  – **Lí lẽ**: ngôi kể thứ nhất giúp tôi dễ dàng bộc lộ nội tâm của đứa trẻ hồn nhiên; làm rõ được sự biến chuyển trong nhận thức của nhân vật, đồng thời khắc sâu thông điệp về cách ứng xử với tự nhiên trong tâm trí bạn đọc |

Nhận xét về cách đưa lí lẽ và bằng chứng: bằng chứng đáng tin cậy, dẫn ra từ VB, lí lẽ đã lí giải hợp lí, sáng rõ ý nghĩa, giá trị của các bằng chứng trong việc thể hiện luận điểm. Đặc biệt, cách kết hợp lí lẽ và bằng chứng đã giúp làm bật lên nét đặc sắc (hiệu quả thẩm mĩ) của hệ thống các biện pháp nghệ thuật trong việc thể hiện nội dung chủ đề VB.

**Câu 4:** Phần mở bài sử dụng một hình ảnh so sánh để dẫn dắt (có những tác phẩm văn học như chiếc cầu nối diệu kì…), kết bài gợi ra một ấn tượng của người đọc về tác phẩm (*mỗi lần đóng lại trang sách cuối, tôi lại tưởng tượng thấy hình ảnh đôi bồng chanh đỏ đang bay về đầm sen thơm ngát…*). Cách mở bài và kết bài giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm, tạo ra sự hấp dẫn, lôi cuốn đối với người đọc.

### – GV nhấn mạnh sự phát triển của kĩ năng viết ở lớp 9 so với lớp 8 như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kĩ năng viết** | **Lớp 8** | **Lớp 9** |
| Kĩ năng phân tích chủ đề | Gọi tên chủ đề, chỉ ra một vài căn cứ xác định chủ đề, nêu ngắn gọn ý nghĩa chủ đề | Gọi tên chủ đề, chỉ ra **ít nhất hai** khía cạnh chủ đề thể hiện trong tác phẩm (qua nhân vật, cốt truyện, chi tiết,…), khái quát được giá trị, ý nghĩa của chủ đề |
| Kĩ năng phân tích một vài nét đặc sắc nghệ thuật | Dẫn ra và nêu tác dụng của một vài nét đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm | Cần chỉ ra và **phân tích sâu hơn** vào tác dụng của các yếu tố nghệ thuật để cho thấy sự đặc sắc, cái hay, cái đẹp của các biện pháp nghệ thuật trong việc thể hiện nội dung chủ đề |

**3. Hoạt động hướng dẫn lí thuyết về quy trình viết**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

***b. Sản phẩm:*** Bảng tóm tắt quy trình viết của HS (theo mẫu PHT số 1).

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS đọc phần hướng dẫn quy trình viết trong SGK, sau đó thảo luận nhóm nhỏ (4 đến 6 HS) và điền thông tin vào bảng theo mẫu sau:

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**

**QUY TRÌNH VIẾT BÀI VĂN**

**NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý** |
| **Bước 1: *Chuẩn bị trước khi viết*** | **Xác định mục đích, người đọc**  … | … |
| **Xác định đề tài**  … | … |
| **Thu thập tư liệu**  … | … |
| **Bước 2: *Tìm ý và lập dàn ý*** | **Tìm ý**  … | … |
| **Lập dàn ý**  … | … |
| **Bước 3: *Viết bài*** | … | … |
| **Bước 4: *Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*** | **Xem lại và chỉnh sửa**  … | … |
| **Rút kinh nghiệm**  … | … |

### \* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc phần hướng dẫn quy trình viết trong SGK, thảo luận nhóm và hoàn thành bảng.

### \* Báo cáo, thảo luận: 1, 2 nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

### \* Kết luận, nhận định: GV đánh giá, nhận xét, kết luận dựa vào phần hướng dẫn quy trình viết trong SGK.

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

**1.1. Hoạt động xác định mục đích, đối tượng và đề tài**

***a. Mục tiêu:***

– Biết cách xác định mục đích, đối tượng và đề tài.

– Xác định được mục đích, đối tượng và đề tài cho bài viết sẽ thực hiện.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*: HS đọc đề bài trong SGK. Sau đó, yêu cầu HS xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài viết của mình qua các câu hỏi: Hoàn thành PHIẾU HỌC TẬP

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **QUY TRÌNH** | **NỘI DUNG** |  |
| **BƯỚC 1:**  **CHUẨN**  **BỊ TRƯỚC KHI**  **VIẾT** | ***Xác định mục đích, người đọc*** | - Với đề bài này, em sẽ viết bài văn cho ai, nhằm mục đích gì?  ......................................................................  - Người đọc có thể là ai? Họ mong đợi nhận được điều gì từ bài viết của em?  ...................................................................... |
| ***Xác định đề tài*** | - Em sẽ viết về đề tài gì? .............................  ......................................................................  Em sẽ chọn cách viết nào cho phù hợp?  ...................................................................... |
| ***Thu thập tư liệu*** | - Em đã tìm nguồn tài liệu liên quan đến đề tài này ở đâu? ...............................................  - Trong các tài liệu tìm được, tác giả đã đưa ra những ý kiến, lí lẽ nào liên quan đến tác phẩm? ..........................................................  ......................................................................  - Những bằng chứng nào em có thể sử dụng để làm cho bài viết của mình có sức thuyết phục? ........................................................... |

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS tìm câu trả lời.

### \* Báo cáo, thảo luận: HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

### \* Kết luận, nhận định: GV nhận xét, kết luận.

**1. 2. Hoạt động làm mẫu thao tác quy trình viết**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách thực hiện quy trình viết đối với các thao tác mà bản thân chưa nắm rõ.

***b. Sản phẩm:*** Câu hỏi của HS về quy trình viết, phần ghi chú, rút kinh nghiệm của HS khi quan sát GV làm mẫu.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*: HS nêu câu hỏi về thao tác bản thân còn chưa nắm rõ khi thực hiện quy trình viết, sau đó quan sát GV làm mẫu, ghi lại kinh nghiệm thực hiện quy trình viết.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc lại phần lí thuyết về quy trình viết, chuẩn bị câu hỏi.

*\* Báo cáo, thảo luận:* HS nêu câu hỏi.

### \* Kết luận, nhận định: GV trả lời câu hỏi của HS, hướng dẫn quy trình thực hiện thông qua việc làm mẫu kết hợp nói to suy nghĩ (think-aloud).

**2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết bài**

***A. Mục tiêu:*** biết cách tìm ý, lập dàn ý và viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

***B. Sản phẩm:*** sơ đồ tìm ý của hs, dàn ý, bài viết.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*: HS thực hiện tìm ý, lập dàn ý và viết bài. Hoàn thành PHIẾU HỌC TẬP

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **QUY TRÌNH** | **NỘI DUNG** |  |
| **BƯỚC 2:**  **TÌM Ý, LẬP DÀN Ý** | ***Tìm ý*** | * Hoàn thành khăn trải bàn: |
| ***Lập***  ***dàn ý*** | **1. Mở bài:**  - Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả....……………..................  - Khái quát những nét đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật nổi bật): ....................... ....................................................................  **2. Thân bài:**  **-** Trình bày luận điểm về chủ đề tác phẩm?  + Lí lẽ để làm sáng tỏ một vài khía cạnh nội dung chủ đề ……………  + Dẫn chứng: ..............................................  - Trình bày luận điểm về những nét đặc sắc nghệ thuật.  + Lí lẽ để làm sáng tỏ các đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm ………  + Dẫn chứng: ..............................................  **3. Kết bài:**  - Khẳng định lại ý kiến về chủ đề, những nét đặc sắc: ..............................  - Nêu suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ tác phẩm: ........................ |

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện tìm ý, lập dàn ý và viết bài.

### \* Báo cáo, thảo luận: Bài viết của HS sẽ được đọc trong tiết Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm được tổ chức trên lớp sau đó.

### \* Kết luận, nhận định: GV sẽ đánh giá sản phẩm bài viết của HS dựa vào bảng kiểm trong SGK trong tiết chia sẻ bài viết trên lớp (thực hiện sau khi cho HS xem lại và chỉnh sửa rút kinh nghiệm).

**3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

**3.1. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách xem lại và chỉnh sửa bài viết của bản thân và của các bạn trong lớp.

***b. Sản phẩm:*** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*: Nhóm 2 HS trao đổi bài viết cho nhau để đọc và đánh giá, nhận xét bài viết của bạn dựa vào bảng kiểm. Sau đó, GV có thể mời một số HS đọc bài viết của mình trên lớp và mời các HS khác nhận xét dựa vào bảng kiểm trong SGK.



*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ được giao.

### \* Báo cáo, thảo luận: Một số HS đọc bài viết trước lớp, sau đó các HS khác chia sẻ nhận xét về bài viết của bạn (dựa vào bảng kiểm SGK).

### \* Kết luận, nhận định:

– GV đánh giá và nhận xét về khâu chuẩn bị bài ở nhà của HS, từ đó đưa ra những lưu ý về kĩ năng tự chủ, tự học khi chuẩn bị bài viết ở nhà.

– GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện:

+ Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài viết.

+ Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS (HS đã biết sử dụng bảng kiểm chưa? HS có nhận ra những ưu điểm, những điểm cần khắc phục trong bài viết của bản thân và của các bạn hay không?). Trong trường hợp HS chưa biết dùng bảng kiểm, GV sử dụng kĩ thuật nói to suy nghĩ (think-aloud) để hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm và nhận xét.

**3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Rút ra được kinh nghiệm khi viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

***b. Sản phẩm:*** Những kinh nghiệm rút ra khi viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*: HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân.

### \* Báo cáo, thảo luận: 1, 2 HS chia sẻ những kinh nghiệm đã rút ra, các HS khác nhận xét, bổ sung.

### \* Kết luận, nhận định: GV tổng kết, nhận xét, đánh giá, kết luận về kinh nghiệm viết HS cần nắm.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống để tạo lập VB.

***b. Sản phẩm:*** Bài viết đã được công bố của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

\* *Giao nhiệm vụ học tập*: Từ bài viết đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:

– Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố.

– Chọn một vấn đề khác trong đời sống để viết bài mới và công bố.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS về nhà thực hiện chỉnh sửa bài viết hoặc viết bài mới sau đó công bố bài viết. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, trên bảng thông tin trong lớp học,… Hoặc viết bài văn hoàn chỉnh và gửi vào đường link padlet:

https://padlet.com/hienvipocxy/padlet-h-ng-v-c-a-t-i-u5skm552gy0gkf7b

*\* Báo cáo, thảo luận*: HS giới thiệu bài viết đã được chỉnh sửa, công bố đến GV và các bạn khác trong lớp.

### \* Kết luận, nhận định:

### GV và HS lại tiếp tục sử dụng bảng kiểm trong SGK để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với bài viết đã được công bố (Ví dụ nếu bài viết trên blog cá nhân, trên trang web thì có thể thực hiện thao tác đánh giá bằng cách phản hồi, hoặc ấn các nút cảm xúc…).

**C. NÓI VÀ NGHE:**

***NGHE VÀ NHẬN BIẾT TÍNH THUYẾT PHỤC CỦA MỘT Ý KIẾN***

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

***1. Năng lực***

***1.1. Năng lực chung***

Năng lực giao tiếp và hợp tác.

***1.2. Năng lực đặc thù***

Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến; chỉ ra được những hạn chế (nếu có) như lập luận thiếu logic, bằng chứng chưa đủ hay không liên quan.

***2. Phẩm chất***

Trung thực và trách nhiệm với ý kiến của mình.

**II. KIẾN THỨC**

– Quy trình nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

– Những lỗi thường gặp khi trình bày một ý kiến: lỗi về lập luận, lỗi về bằng chứng.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

– SGK*,* SGV.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu*:** Xác định được nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

***b. Nội dung:***

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt*, quan sát (đọc lướt) phần *Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến* để trả lời câu hỏi: *Ở Phần Nói và nghe, nhiệm vụ học tập ta cần thực hiện là gì?*

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc SGK, tìm câu trả lời.

*\* Báo cáo, thảo luận*: HS trình bày câu trả lời trước lớp. HS khác nhận xét, đánh giá.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, kết luận: nhiệm vụ học tập là nghe phần trình bày và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến, chỉ ra lỗi lập luận, lỗi về bằng chứng (nếu có).

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. QUY TRÌNH THỰC HIỆN**  **1. Hoạt động tìm hiểu quy trình nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến** | |
| ***a. Mục tiêu:*** Trình bày được quy trình nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.  ***b. Nội dung: Hs*** đọc SGK và tóm tắt quy trình thực hiện nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến dựa vào PHT 1 (thực hiện tại nhà)  ***c. Sản phẩm:*** Bảng tóm tắt của HS.  ***d. Tổ chức thực hiện:*** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS thực hiện tại nhà, đọc SGK và tóm tắt quy trình thực hiện nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến dựa vào bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Quy trình nghe** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý khi thực hiện** | | Bước 1: Chuẩn bị trước khi nghe | … | … | | Bước 2: Nghe và ghi chép | … | … | | Bước 3: Đọc lại, chỉnh sửa và chia sẻ | … | … |   *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập tại nhà, đọc SGK và tóm tắt ý chính vào bảng quy trình.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày sản phẩm trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV kết luận, nhận định về quy trình nói và nghe dựa vào SGK. | Tóm tắt quy trình thực hiện nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Quy trình nghe** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý khi thực hiện** | | Bước 1: Chuẩn bị trước khi nghe | -  Xác định mục đích  - Tìm hiểu trước về chủ đề buổi thuyết trình | - Tìm đọc thêm tư liệu liên quan đến chủ đề.  - Ghi chép và đánh dấu hoặc gạch chân những thông tin quan trọng | | Bước 2: Nghe và ghi chép | - Tập trung nghe và ghi các ý chính, từ khóa trong bài thuyết trình để nhận ra các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng mà người nói sử dụng.  - Ghi những câu hỏi mà em muốn trao đổi với người thuyết trình. | - Nhận biết được tính thuyết phục của ý kiến và hạn chế của lập luận (nếu có)  - Ghi được (những) câu hỏi cần trao đổi với người trình bày ý kiến  - Ghi được ý chính của ý kiến | | Bước 3: Đọc lại, chỉnh sửa và chia sẻ | - Đọc lại và trao đổi nội dung ghi chép với các bạn khác và chỉnh sửa (nếu có).  - Nhận biết tính thuyết phục của ý kiến và hạn chế của lập luận (nếu có). | Lưu ý để phần trình bày ý kiến được thuyết phục, chặt chẽ, tránh các lỗi về lập luận, lỗi về bằng chứng. | |
| **2. Hoạt động tìm hiểu một số lỗi về lập luận và bằng chứng khi trình bày một ý kiến** | |
| ***a. Mục tiêu:*** Trình bày được một số lỗi về lập luận và bằng chứng thường gặp.  ***b. Nội dung:*** HSđọc SGK và tóm tắt các lỗi về lập luận và bằng chứng theo PHT 2 (thực hiện ở nhà, theo nhóm)  ***c. Sản phẩm:*** Phần tóm tắt của HS.  ***d. Tổ chức thực hiện:*** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS thực hiện tại nhà, đọc SGK và tóm tắt các lỗi về lập luận và bằng chứng theo bảng sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Lỗi thường gặp khi trình bày ý kiến** | | **Biểu hiện** | **Ví dụ** | | Lỗi lập luận | Lỗi … | … | … | | Lỗi … | … | … | | Lỗi về bằng chứng | Lỗi … | … | … | | Lỗi … | … | … |   *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập tại nhà.  ***Nhóm 1, 2***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Lỗi thường gặp khi trình bày ý kiến** | | **Biểu hiện** | **Ví dụ** | | Lỗi lập luận | Lỗi … | … | … | | Lỗi … | … | … |   ***Nhóm 3, 4:***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Lỗi thường gặp khi trình bày ý kiến** | | **Biểu hiện** | **Ví dụ** | | Lỗi về bằng chứng | Lỗi … | … | … | | Lỗi … | … | … |   *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày sản phẩm trên lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định****:*** GV kết luận, nhận định dựa vào SGK. | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Lỗi thường gặp khi trình bày ý kiến** | | **Biểu hiện** | **Ví dụ** | | Lỗi lập luận | Lỗi dựa vào số đông | Tin rằng số đông cho rằng vấn đúng nên nó đúng | Phần lớn mọi người cho rằng trọng nam khinh nữ là đúng, nên điều này đúng đề đúng nên nó đúng. (hiện nay quan niệm trọng nam khinh nữ đã bị bác bỏ). | | Lỗi vin vào truyền thông | cho rằng hễ những gì thuộc về truyền thông thì luôn đúng. | *Bao đời nay theo truyền thống, người phụ nữ luôn ở vị trí thấp hơn đàn ông, nên việc này là đúng đắn* (Quan niệm này không đúng do thể hiện sự định kiến và phân biệt đối xử với phụ nữ) | | Lỗi tấn công cá nhân | Thay vì bàn về chủ đề thuyết trình thì lại dùng những từ ngữ công kích để hạ bệ danh dự, uy tín của người tranh luận. | *Bình thường bạn A không chú tâm trong giờ học Ngữ Văn nên những ý kiến về văn chương của bạn là không chính xác* (thực tế ý kiến của bạn A vẫn có thể chính xác) | | Lỗi so sánh ẩu | Từ một điểm, một phương diện giống nhau mà kết luận hai sự vật, hiện tượng là hoàn toàn giống nhau. | *Tác phẩm A và B do cùng một tác giả sáng tác, A là tuyệt tác văn chương nên hẳn B cũng vậy* (thực tế, B vẫn có thể không phải là tuyệt tác văn chương) | | Lỗi tư duy đen trắng | Cho rằng vấn đề chỉ có thể đúng hoặc sai trong khi thực tế có thể trung lập giữa đúng và sai. | *Đó không phải người tốt, ắt hẳn là người xấu* (thực tế con người có thể vừa có phần tốt, phần xấu, cũng có thể trung dung, không tốt không xấu) |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Lỗi thường gặp khi trình bày ý kiến** | | **Biểu hiện** | **Ví dụ** | | Lỗi về bằng chứng | Bằng chứng chưa tiêu biểu: | Bằng chứng đưa ra có tính chất cá biệt, không có sức khái quát, không thể hiện rõ đặc điểm của luận điểm cần phân tích. | … | | Bằng chứng chưa cụ thể: | bằng chứng nêu ra chung chung, thiếu các thông tin cụ thể để làm rõ cho luận điểm. | … | | Bằng chứng chưa xác thực: | Bằng chứng chưa được kiểm chứng, ngụy tạo, bị trích dẫn sai hoặc trích dẫn tách khỏi ngữ cảnh dẫn đến bị hiểu sai, hiểu chưa đầy đủ. |  | |
| **II. LUYỆN TÂP, VẬN DỤNG** | |
| **1. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe**  ***a. Mục tiêu:*** Thực hiện được nhiệm vụ nói và nghe.  ***b. Nội dung:*** HS làm việc nhóm theo sự phân công của GV để chuẩn bị bài nói theo yêu cầu  ***c. Sản phẩm:*** Bài trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội của HS.  ***d. Tổ chức thực hiện:*** | |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) Một nhóm HS được chọn chuẩn bị bài nói theo đề bài trong SGK.  (2) Các HS còn lại trong lớp đóng vai người nghe, nghe và ghi chép nội dung bài nói, nhận biết tính thuyết phục của ý kiến.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện hai nhiệm vụ theo vai được phân công.  *\* Báo cáo, thảo luận*: Các HS đóng vai người nghe trình bày phần ghi chép và nhận xét về tính thuyết phục của bài nói.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận định, tổng kết dựa trên ý kiến của HS | |
| **2. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm**  ***a. Mục tiêu:*** Tự đánh giá kĩ năng nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.  ***b. Nội dung:*** HS ghi lại những kinh nghiệm rút ra sau khi thực hiện hoạt động nói và nghe, sau đó trình bày những kinh nghiệm ấy trước lớp  ***c. Sản phẩm:*** Lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.  ***d. Tổ chức thực hiện:*** | |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS ghi lại những kinh nghiệm rút ra sau khi thực hiện hoạt động nói và nghe, sau đó trình bày những kinh nghiệm ấy trước lớp theo gợi ý:  (1) Ba điều em đã làm tốt khi thực hiện kĩ năng nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến.  (2) Hai điều em cần làm tốt hơn khi thực hiện kĩ năng nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến.  (3) Một kinh nghiệm em rút ra để thực hiện kĩ năng nghe tốt hơn vào lần sau.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:*HS ghi lại những kinh nghiệm rút ra.  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS trình bày kinh nghiệm của bản thân. Các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét, kết luận về những kinh nghiệm HS cần nắm khi nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến. GV đưa ra kết luận về những điều HS cần lưu ý khi thực hiện kĩ năng giao tiếp và hợp tác. | |

**IV. HỒ SƠ HỌC TẬP Bảng kiểm**

**Bảng kiểm kĩ năng nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Chuẩn bị trước khi nghe | Xác định mục đích nghe |  |  |
| Tìm hiểu trước chủ đề bài thuyết trình |  |  |
| Nghe và ghi chép | Nhận biết được tính thuyết phục của ý kiến và hạn chế của lập luận (nếu có) |  |  |
| Ghi được (những) câu hỏi cần trao đổi với người trình bày ý kiến |  |  |
| Ghi được ý chính của ý kiến |  |  |

***Những vấn đề cần lưu ý sau bài dạy***

Ngày soạn:.../.../ 2024

Tiết:

**ÔN TẬP**

(Thời gian thực hiện: 01 tiết)

**I-/MỤC TIÊU**

**1-/ Về kiến thức:**

- Tri thức ngữ văn.

- Kỹ năng đọc, viết, nói nghe.

- Kiến thức về chủ điểm “Giá trị của văn chương”.

**2-/ Về năng lực:**

- Củng cố được kiến thức đã học về Đọc, tiếng Việt, Viết, Nói và nghe trong bài học.

- HS trình bày thêm ý kiến về câu hỏi lớn đầu bài học, qua đó hiểu thêm về chủ điểm *Giá trị của văn chương.*

**3-/ Về phẩm chất:** Trung thực và có trách nhiệm với ý kiến của mình.

**II-/ THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Đối với học sinh**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi theo bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh

- Ôn tập các nội dung ở bài 2

**III-/ TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV yêu cầu HSKể tên các văn bản mà em đã học ở bài 2

**-** Cá nhân HS chia sẻ

**-** GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.

**-** GV nhận xét, đánh giá

**HOẠT ĐỘNG 2: HỆ THỐNG KIẾN THỨC BÀI 2**

**a. Mục tiêu:** Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà nhằm củng cố lại nội dung bài 2.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Nội dung kiến thức** |
| GV yêu cầu HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi.  + Điền bảng theo mẫu câu hỏi 1 / SGK trang 54  + Phân biệt cách trình bày vấn đề chủ quan và khách quan  + Cách tiếp nhận vấn đề khác nhau có ý nghĩa như thế nào với văn bản và người đọc?  - HS làm việc nhóm.  - GV quan sát, gợi mở (nếu cần).  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau.  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân:  + Nêu những cách tham khảo , trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn  + Tìm trong những bài tập thực hành để thấy cách trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn  - HS trả lời  - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau.  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân: Nêu những lưu ý khi phân tích tác phẩm văn học.  - HS trả lời  - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **I. Văn bản đọc hiểu**  **Câu 1**: HS thực hiện dựa vào kết quả đọc các VB trong bài.  **Câu 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Cách trình bày vấn đề khách quan** | **Cách trình bày vấn đề chủ quan** | | Đặc điểm thông tin | Bằng chứng khách quan | Ý kiến, tình cảm, đánh giá chủ quan của người viết | | Một số dấu hiệu nhận biết | Sự thật hiển nhiên, số liệu, dữ kiện, các thông tin có thể kiểm chứng đúng, sai thông qua nghiên cứu khoa học,… | Các từ ngữ, câu văn thể hiện tình cảm, đánh giá chủ quan của người viết; các thông tin mà người viết không chắc chắn (có lẽ, hình như, chắc hẳn,…), dự đoán tương lai,… |   **Câu 3:** Những cách tiếp cận khác nhau về cùng một vấn đề trong VB có ý nghĩa:  - Với VB: Làm phong phú thêm cách hiểu VB, góp phần kiểm chứng hoặc bác bỏ những cách hiểu thiếu căn cứ, suy diễn.  - Với người đọc: Giúp cho người đọc có được sự chủ động, tích cực khi đọc VB văn học, giúp cho việc đọc VB văn học thú vị, hấp dẫn hơn với người đọc.  **II. Thực hành Tiếng Việt**  ***Tri thức tiếng Việt: Cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn***  - Đạo văn: là hành vi sao chép lời nói, ý tưởng, quan điểm… của người khác và coi nó như là của riêng mình. Đây là hành vi vi phạm đạo đức trong học tập, nghiên cứu.  - Tránh đạo văn cần trích dẫn chính xác và đúng quy định khi sử dụng lời nói, ý tưởng, quan điểm…của người khác  **Câu 4 và Câu 5:** HS thực hiện dựa vào phần *Tri thức tiếng Việt* và các bài tập *Thực hành tiếng Việt* đã làm.  **III. Những lưu ý khi phân tích tác phẩm văn học.**  ***Yêu cầu đối với kiểu bài văn***  1. Khái niệm:  2. Yêu cầu đối với kiểu bài:  *a.Về nội dung*  *b. Về hình thức*  *c. Về bố cục*  - Luận điểm 1 về chủ đề tác phẩm’  - Luận điểm 2 về một số nét đặc sắc nghệ thuật.  =>Cách sắp xếp luận điểm này là hợp lí, làm bật lên được các yếu tố về nội dung và hình thức của tác phẩm, thể hiện rõ ràng ý kiến, quan điểm của người viết về chủ đề, một số nét đặc sắc về hình thức.  ***3.*** Hướng dẫn quy trình viết  - Bước 1: *Chuẩn bị trước khi viết*  - Bước 2: *Tìm ý và lập dàn ý*  - Bước 3: *Viết bài*  - Bước 4: *Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm ( HS dựa vào bảng kiểm- phụ lục)* |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học và vận dụng kiến thức đã học để sáng tạo một sản phẩm.

**b. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ cho HS tìm lỗi lập luận trong bài

- HS làm việc cá nhân và trình bày.

- GV hướng dẫn, gợi mở (nếu cần).

- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

Chú ý các lỗi thường gặp:

\* Lỗi liên quan đến việc nêu luận điểm

a, Luận điểm trong bài chưa rõ ràng, nội dung bị trùng lặp thiếu sự nhấn mạnh, phát triển ý

b, Không nêu được luận điểm chính có ý nghĩa khái quát, diễn đạt không mạch lạc, logic, không làm nổi bật được cốt lõi vấn đề

c, Không có sự thống nhất về chủ đề, cách diễn đạt sơ sài

\* Lỗi liên quan tới việc nêu luận cứ

a, Luận cứ mơ hồ, cách dùng từ chưa hợp lý

b, Luận cứ thiếu chính xác, cách sắp xếp ý lộn xộn

c, Lỗi ở sự thiếu logic, luận cứ không phù hợp với luận điểm

\* Lỗi về cách thức lập luận

a, Luận cứ trình bày thiếu tính logic, lộn xộn, hệ thống luận cứ không đủ làm sáng tỏ cho luận điểm

b, Luận điểm mập mờ, luận cứ phiến diện, thiếu cái nhìn đa chiều khi chỉ viết về “cái đói” trong đề tài người nông dân và nông thôn của Nam Cao

c, Luận điểm hư ảo, không rõ ràng, sự gợi mở, dẫn dắt không phù hợp làm sáng tỏ luận điểm

Luận cứ dùng để mở rộng, tiếp tục phát triển đề tài không phù hợp với phạm vi đề tài

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học và vận dụng kiến thức đã học để sáng tạo một sản phẩm.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*-* GV giao nhiệm vụ cho HS : Thiết kế một sản phẩm sáng tạo (tranh vẽ, áp phích, tờ rơi, sơ đồ tư duy…) để giới thiệu một tác phẩm văn học giúp em nhận ra sức mạnh của văn chương.

- HS làm việc cá nhân

- HS trình bày vào tiết sau

- GV hướng dẫn, gợi mở (nếu cần).

- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

- Ghi điểm cho những câu trả lời đảm bảo nội dung, có thông điệp tích cực.

- Khuyến khích, động viên những HS chưa hoàn thành.

\* Phụ lục

Câu 1

Bài: về hình tượng bà Tú trong bài Thương vợ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Luận điểm** | **Bằng chứng** | **Lí lẽ** |
| **Luận điểm 1:** Hình tượng bà Tú thuộc về kiểu gia đình nhà nho theo ảnh hưởng Nho giáo | **–** Bằng chứng cho thấy đặc điểm gia đình Nho giáo: *không coi trọng sản nghiệp, chỉ chú trọng danh vị, những gia đình như thế thì người chồng miệt mài đèn sách, còn người vợ thì nuôi sống gia đình với hi vọng một ngày kia chồng đỗ đạt làm quan cả họ được nhờ, đổi thay phận vị,…*  – Bằng chứng cho thấy ảnh hưởng của bối cảnh xã hội đến gia đình: *nền tảng kiểu gia đình ấy đến hồi lung lay khi bước vào thời buổi Tây Tàu nhộn nhạo này…*  – Bằng chứng cho thấy số phận của bà Tú:*khi mà đô thị hoá đã làm ra cái cảnh “phố nửa làng” ở đất Vị Xuyên này, thì bà Tú cũng bị dạt theo cuộc sống bươn chải nhất thời để đợi chồng thành đạt* | Lí giải, đánh giá, nhận xét về cuộc đời bà Tú trong bối cảnh thời đại: *Đó là cuộc bươn chải không có kết thúc, bươn chải đã thành số phận của bà* |
| **Luận điểm 2:**  Hình tượng bà Tú trong hai câu đề (Căn cứ xác định: *Chỉ với hai câu đề, hình ảnh bà Tú đã hiện lên như bức chân dung của một cuộc đời, một duyên phận*) | – Phần trích dẫn hai câu đề bài thơ  – Các bằng chứng dẫn ra từ hai câu đề: “quanh năm”, “mom sông”, “nuôi đủ năm con với một chồng”, “chồng” | – Nhận xét về ý nghĩa của hình ảnh thời gian “quanh năm”, không gian “mom sông”  – Phân tích bằng chứng để cho thấy gia cảnh “nuôi đủ năm con với một chồng” của bà Tú, thái độ tự mỉa mai của ông Tú  – Đánh giá chung về hai câu đề “thật xứng đáng là cặp câu hay nhất bài thơ” |
| **Luận điểm 3:**  Hình tượng bà Tú trong hai câu thực (Căn cứ xác định: *Hai câu thực là bà Tú trong không gian xã hội, giữa cảnh chợ đời, là con người công việc: đảm đang tháo vát, thương khó tảo tần*) | **–** Phần trích dẫn hai câu thực của bài thơ  – Các bằng chứng dẫn ra từ hai câu thực: “lặn lội thân cò”, “quãng vắng”, “eo sèo”  – Các bằng chứng dẫn ra từ ca dao để so sánh: “Cái cò lặn lội bờ sông”, “Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non” | – So sánh hình ảnh bà Tú với “cái cò” trong ca dao xưa để cho thấy sự nhẫn nại, cam chịu của bà Tú  – Phân tích hoàn cảnh lao động (“quãng vắng”, “eo sèo”) để làm bật lên những vất vả, bươn chải bà Tú phải chịu |
| **Luận điểm 4:** Hình tượng bà Tú trong hai câu luận (Căn cứ xác định: *hai câu luận lại chính là bà Tú trong quan hệ với gia đình… thảo hiền nhu thuận*) | **–** Phần trích dẫn hai câu luận của bài thơ  – Các bằng chứng dẫn ra từ hai câu luận: “âu đành phận”, “dám quản công” | – Phân tích bằng chứng để cho thấy thái độ chín chắn, độ lượng của bà Tú trước duyên phận và gia cảnh  – Từ cặp câu luận, khái quát hình tượng bà Tú với ý nghĩa con người bổn phận, giàu đức hi sinh cao cả |

Bài Ý nghĩa văn chương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Luận điểm** | | **Bằng chứng** | **Lí lẽ** |
| **Luận điểm 1**: Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người, lòng thương muôn vật, muôn loài | **Luận điểm 1.1**: Văn chương là lòng thương người |  |  |
| **Luận điểm 1.2**: Là lòng thương muôn vật, muôn loài |  |  |
|  |  |
| **Luận điểm 2: Nhiệm vụ của văn chương** | **Luận điểm 2.1**: Văn chương là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng | Những cảnh thiên nhiên tươi đẹp mà bình thường do mưu sinh con người bỏ lỡ | Văn chương có nhiệm vụ “vén tấm màn đen ấy, tìm cái hay, cái đẹp, cái lạ” để “làm cho người ta cùng nghe, cùng thấy, cùng cảm” qua tác phẩm |
| **Luận điểm 2.2**: Văn chương còn sáng tạo ra sự sống | Quá trình sáng tác của nhà văn: sáng tạo ra thế giới khác, những người, sự vật khác | Để “thoả mãn mối tình cảm dồi dào” của nhà văn |
| Trường hợp Nguyễn Du và nhân vật Thuý Kiều | Sự sáng tạo của nhà văn gắn với tình yêu thương tha thiết, để “trao sự sống” cho nhân vật |
| **Luận điểm 3: Công dụng của văn chương**  Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có; cuộc đời phù phiếm và chật hẹp | | Những ví dụ để chứng minh rằng phần nhiều những tình cảm, những cảm giác của người thời bây giờ đều do một ít người xưa có thiên tài sáng tạo ra và truyền lại | – Cả phong cảnh đã thay hình đổi dạng từ khi có những nhà văn đưa cảm giác riêng của họ làm thành cảm giác chung của mọi người  – Thế giới như ngày nay là một sự sáng tạo của nghệ sĩ  – Nếu thiếu nghệ sĩ trong lịch sử và tâm linh nhân loại, “cảnh tượng nghèo nàn sẽ đến bực nào” |

Bài Tính đa nghĩa trong bài thơ *Bánh trôi nước.*

- Luận đề: Tính đa nghĩa trong bài thơ *Bánh trôi nước.*

- Luận điểm:

+ Luận điểm 1: Nghĩa thứ nhất là nghĩa tả thực.

+ Luận điểm 2: Nghĩa thứ hai của bài thơ nói về nhan sắc, thân phận và phẩm chất người phụ nữ.

- Lí lẽ, bằng chứng ...

**Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí*** | | ***Đạt*** | ***Chưa đạt*** |
| Mở bài | Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả |  |  |
| Khái quát những nét đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật nổi bật) |  |  |
| Thân bài | Trình bày luận điểm về chủ đề tác phẩm |  |  |
| Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sang tỏ một vài khía cạnh nội dung chủ đề |  |  |
| Trình bày luận điểm về những nét đặc sắc nghệ thuật |  |  |
| Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sang tỏ các đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm |  |  |
| Kết bài | Khẳng định lại ý kiến về chủ đề, những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm. |  |  |
| Nêu suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ tác phẩm. |  |  |
| Diễn đạt | Không mắc lỗi chính tả, dung từ và đặt câu |  |  |
| Cách mở bài lôi cuốn, hấp dẫn |  |  |
| Cách kết bài đặc sắc, ấn tượng |  |  |
| Sử dụng hiệu quả các phép liên kết để tạo sự mạch lạc cho bài viết |  |  |